

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Minh Thúy
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Minh Thúy
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG – 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Minh Thúy

Mã SV: 1354010407

Lớp: QT 11303K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả
kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Hải Á Châu.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nêu cơ sở lý luận kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh
 - Thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng hải Á Châu.
 - Đối chiếu lý luận với thực tiễn, đưa ra được những kiến nghị giúp công ty hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
Các số liệu, sổ sách, chứng từ của năm 2011 và 2012
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường ĐHDL Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng hải Á Châu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Sự cần thiết của đề tài	3
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh...	3
1.1.3. Khái niệm, phân loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	4
1.1.4. Khái niệm, phân loại các chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.....	7
1.1.5. Xác định kết quả sản xuất kinh doanh.	8
1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	17
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	19
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	22
1.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí tài chính	25
1.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	29
1.2.7. Kế toán chi phí thuế TNDN	33
1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	33
1.3. Các hình thức kế toán tại các doanh nghiệp.....	35
1.3.1. Hình thức nhật ký chung.....	35
1.3.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	36
1.3.3. Hình thức Nhật ký- sổ cái	38
1.3.4. Hình thức kê toán trên máy.....	39
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU	40

2.1 Giới thiệu chung về công ty 40

2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển	40
2.1.2	Loại hình doanh nghiệp.....	41
2.1.3	Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh.	41
2.1.4	Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.	42
2.1.5	Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.....	44
2.2	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.....	49
2.2.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49
2.2.2	Kế toán giá vốn hàng bán.....	64
2.2.3	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	73
2.2.5	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	84
2.2.6	Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	95
2.2.7	Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	107
	CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU	114
3.1	Đánh giá chung về tổ chức kế toán tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu..	114
3.1.1	Ưu điểm.....	114
3.1.2	Hạn chế.....	115
3.2	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.....	119
3.2.1	Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.	119
3.2.2	Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện tổ chức kế toán.	120
3.2.3	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.....	120
	KẾT LUẬN	126
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập với nền kinh tế thế giới với những bước chuyển mình hết sức rõ rệt. Cứ mỗi năm, chúng ta lại có thêm nhiều doanh nghiệp mới đi vào hoạt động với nhiều loại hình và những lĩnh vực kinh doanh đa dạng. Thêm vào đó, là sự xuất hiện dày đặc của các công ty nước ngoài. Đây chính là cơ hội để các cơ sở kinh doanh trong nước tự khẳng định mình cũng là để học hỏi thêm những kinh nghiệm, chiến lược kinh doanh thông minh của người nước ngoài. Tuy nhiên cơ hội bao giờ cũng đi đôi với thách thức. Bài toán làm sao để chiếm được thị phần nhiều hơn, làm sao để thu được lợi nhuận cao nhất mà chi phí bỏ ra là thấp nhất đang là vấn đề mà các chủ doanh nghiệp hết sức quan tâm. Để làm được điều này, mỗi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý, tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp của mình để có thể huy động và sử dụng tốt nguồn vốn, nâng cao chất lượng, giảm thời gian, chi phí và hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ... nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường và đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, song vẫn đảm bảo về vấn đề an sinh xã hội.

Nắm bắt được cơ hội, thấy trước được nhu cầu của thị trường, công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu tập trung phát triển kinh doanh lĩnh vực dịch vụ vận tải hàng hóa, dịch vụ hàng hải, hải quan... Từ khi đi vào hoạt động đến nay, công ty luôn cố gắng hết mình để chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao, giá thành dịch vụ ngày càng được kiểm soát. Bằng chứng cho thấy là trong những năm qua, mặc dù tình hình kinh tế rất khó khăn nhưng công ty vẫn đang hoạt động ổn định và có lợi nhuận tăng dần qua các năm.

Để tìm hiểu về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu, em đã chọn đề tài “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**” nhằm phân tích chi tiết hơn về tình hình hạch toán chi phí đầu vào cũng như kết quả đầu ra của doanh nghiệp. Từ đó đưa ra những nhận xét và giải pháp giúp doanh nghiệp có thể khắc phục những điểm chưa tốt trong quá trình quản lý chi phí và hạch toán doanh thu.

Khóa luận tốt nghiệp của em được chia làm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.

- Chương 3: Một số kiến nghị, giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Do thời gian thực tập có hạn và hiểu biết của cá nhân còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót nên em mong các thầy cô giáo thông cảm và chỉ dạy, góp ý cho em để em có thể mở rộng hiểu biết của mình hơn.

Em cũng xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Th.S Phạm Văn Tường và các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh cũng như các anh chị làm việc tại phòng kế toán công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu đã giúp đỡ cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết của đề tài

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm các khoản thu từ hoạt động khác mang lại.

Về việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh. Đồng thời doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích, lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết và đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ cho việc lập báo cáo tài chính.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.3. Khái niệm, phân loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1. Doanh thu và các loại doanh thu, các yếu tố làm giảm doanh thu

- Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính và thông tư số89/2002/TT-BTC thì:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất , kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Lưu ý:

+ Các khoản thu hộ bên thứ 3 không làm tăng vốn chủ sở hữu của

doanh nghiệp nên không được coi là doanh thu.

+ Các khoản nhận vốn góp làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không được coi là doanh thu.

+ Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

+ Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng với các khoản giảm giá hàng bán; chiết khấu thương mại; doanh thu của số hàng bán bị trả lại; thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu:

Là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, tức là thời điểm người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền.

- Các loại doanh thu:

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511):

Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có)

❖ Doanh thu bán hàng nội bộ (TK 512):

Là doanh thu của số hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp, là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ Doanh thu từ hoạt động tài chính (TK 515):

Là doanh thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu; tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá do bán ngoại tệ, thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Doanh thu từ hoạt động khác (TK 711):

Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Các khoản giảm trừ doanh thu (TK521):

❖ Chiết khấu thương mại:

Là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.

❖ Hàng bán bị trả lại:

Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua từ chối, trả lại do không tôn trọng hợp đồng kinh tế như đã kí kết.

❖ Các khoản giảm giá hàng bán:

Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hóa đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian địa điểm trong hợp đồng...

❖ Các khoản thuế làm giảm doanh thu:

+ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

+ Thuế TTĐB: Là loại thuế đánh trên những loại hàng hóa, dịch vụ xa xỉ, không được khuyến khích tiêu dùng như rượu, bia, thuốc lá...

+ Thuế xuất khẩu : Là thuế tính trên doanh thu của những hàng hóa bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
-----------------	---	--	---	------------------------------

1.1.3.2 Điều kiện để ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền đã được quy định cụ thể trong chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”

*** Ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*** Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

+ Xác định được chi phí giao dịch cung cấp dịch vụ.

*** Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền và lợi nhuận được chia**

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

1.1.4 Khái niệm, phân loại các chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cho các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí trong doanh nghiệp bao gồm các khoản sau:

- Giá vốn hàng bán (TK 632)
- Chi phí hoạt động tài chính (TK 635)
- Chi phí quản lí kinh doanh (TK 642)
- Chi phí khác (TK 811)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 821)

❖ Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đổi

với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Chi phí quản lý kinh doanh: là khoản chi phí phục vụ cho các hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng là khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí chung của cả doanh nghiệp.

❖ Chi phí hoạt động tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái

❖ Chi phí khác:

Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế,...

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

+ Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm;

+ Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.5 Xác định kết quả sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác.

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán của hàng hóa, dịch vụ.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ với doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh.

- Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh với lợi nhuận khác.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là phần lợi nhuận còn lại sau khi đã lấy tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng thông thường Mẫu 02 GTGT-3LL(đối với những doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hóa đơn GTGT Mẫu 01-GTKT-3LL (đối với những doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng, séc chuyển khoản...

- Các chứng từ kế toán có liên quan khác: hóa đơn vận chuyển, phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại.

➤ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2 :

+ Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa.

+ Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm.

+ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.

+ Tài khoản 5118- Doanh thu khác.

➤ ***Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lí của các khoản đã thu hoặc sẽ thu.

- Giá trị hợp lí: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan cùng một giao dịch thì phải được ghi nhận đồng thời, theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí và phải theo năm tài chính.

- Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại, theo từng khoản doanh thu theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hàng hóa, sản phẩm thuộc diện chịu thuế GTGT khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Hàng hóa, sản phẩm thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì giá bán là giá có thuế GTGT.

- Hàng hóa, sản phẩm thuộc diện chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là giá bán có thuế TTĐB. Thuế XK.

- Doanh nghiệp nhận bán đại lí theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu là phần hoa hồng bán hàng.

- Doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm thì doanh thu được ghi nhận theo giá bán trả ngay 1 lần và ghi nhận vào phần doanh thu hoạt động tài chính về phân lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

- Doanh nghiệp nhận gia công hàng hóa, vật tư thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh. Các tài khoản thuộc loại tài khoản doanh thu không có số dư cuối kỳ

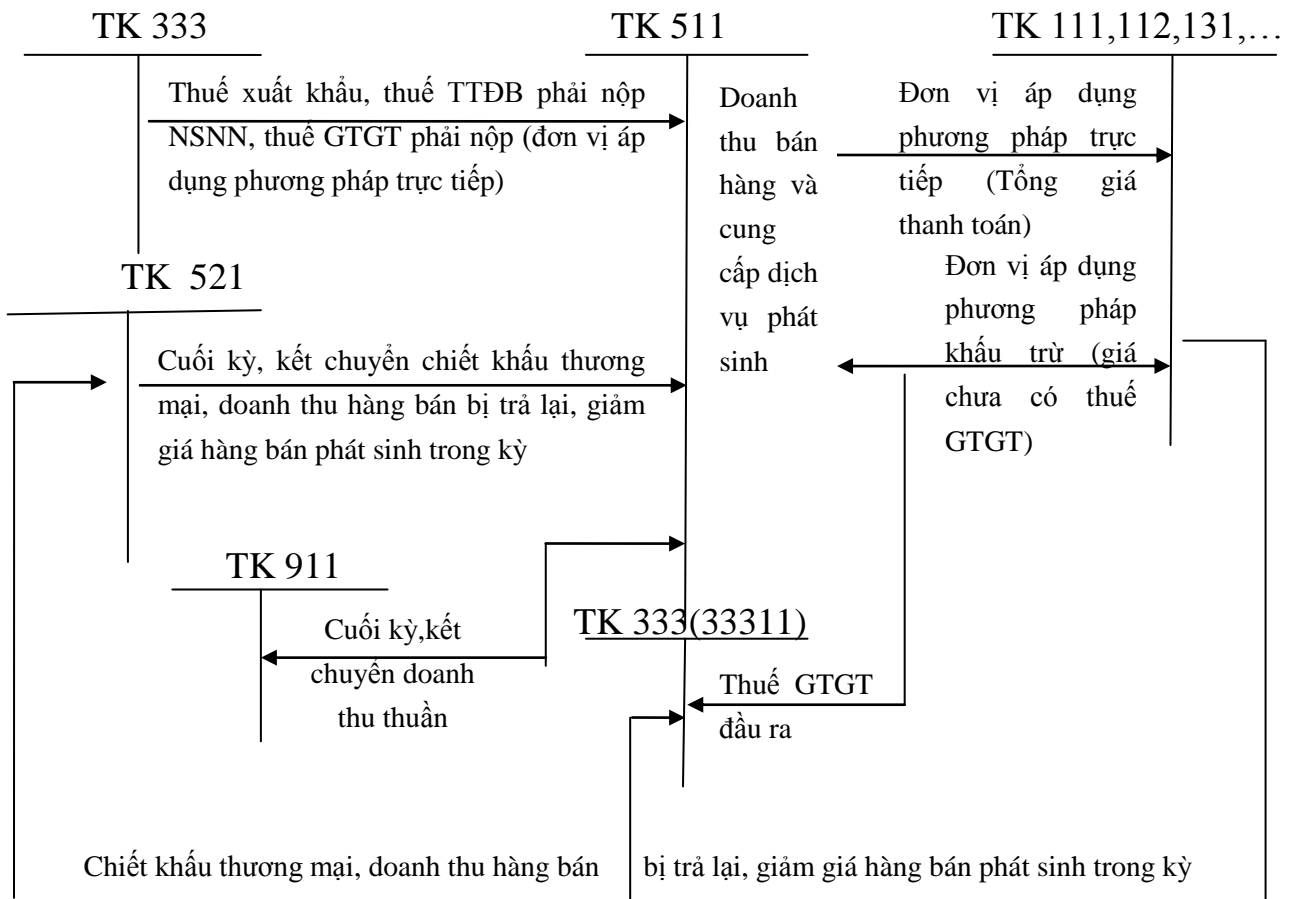
➤ **Các phương thức tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ**

* **Phương thức bán hàng trực tiếp**

- Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp.

- Sơ đồ 1.1:

KẾ TOÁN BÁN HÀNG THEO PHƯƠNG THỨC BÁN HÀNG TRỰC TIẾP



* **Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận.**

- Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ.

Số hàng xác định là tiêu thụ này hạch toán giống với phương thức bán hàng trực tiếp.

* **Phương thức đại lý bán đúng giá, hưởng hoa hồng.**

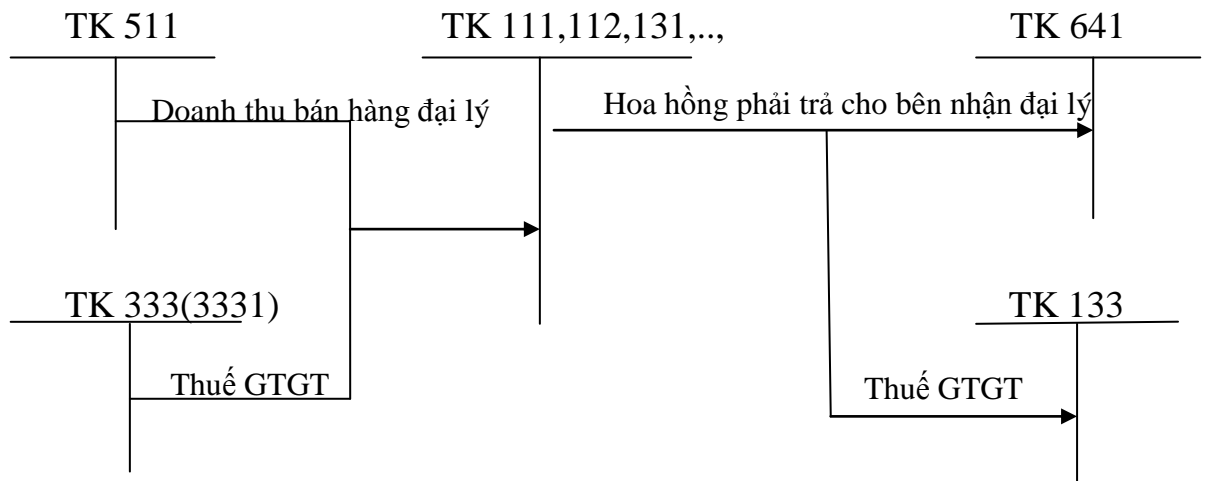
- Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán.

- Nếu bên đại lý bán đúng giá quy định của chủ hàng thì bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng và phải nộp thuế GTGT đầu ra cho số hoa hồng được hưởng này. Phần hoa hồng trả cho bên đại lý bán hàng được xem như một khoản chi phí bán hàng.

Sơ đồ hạch toán:

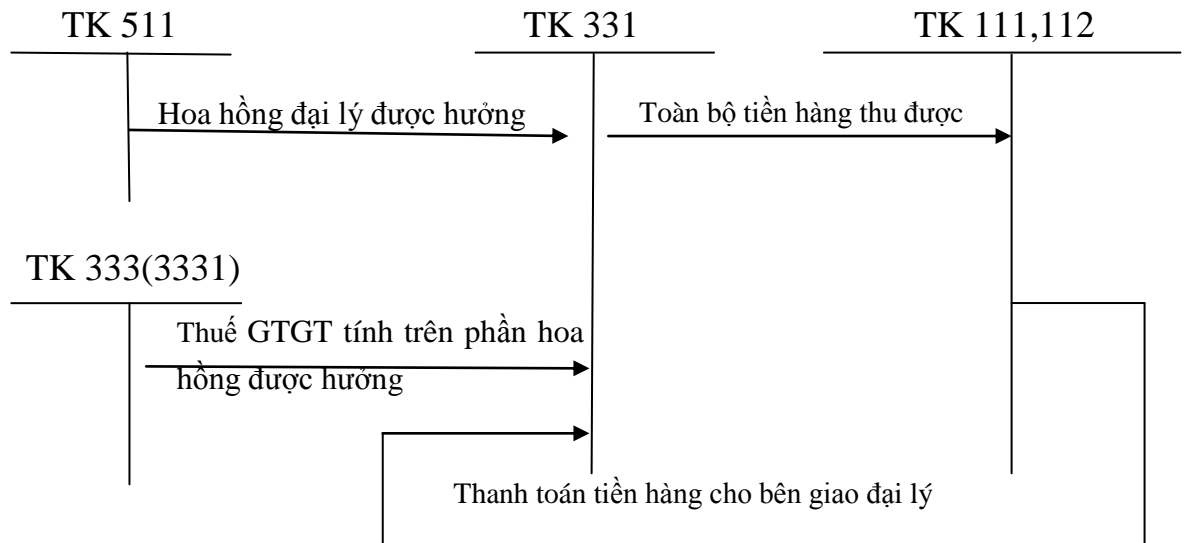
**Sơ đồ số 1.2:*

**KẾ TOÁN BÁN HÀNG THEO PHƯƠNG THỨC BÁN ĐÚNG GIÁ
HƯỞNG HOA HỒNG TẠI ĐƠN VỊ GIAO ĐẠI LÝ**

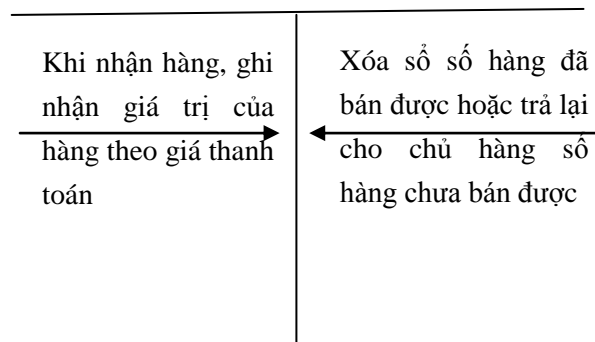


* Sơ đồ 1.3:

**KẾ TOÁN BÁN HÀNG THEO PHƯƠNG THỨC BÁN ĐÚNG GIÁ
HƯỞNG HOA HỒNG TẠI ĐƠN VỊ NHẬN ĐẠI LÝ**



TK 003



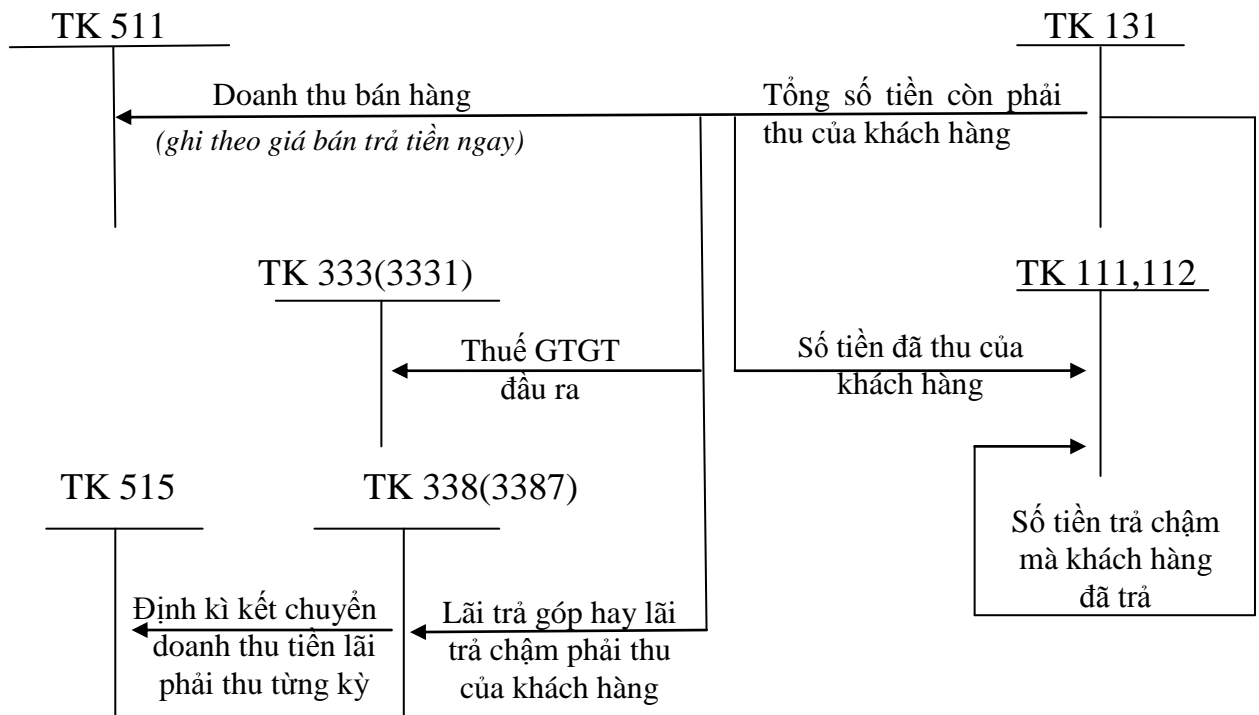
* **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.**

- Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

- Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ số 1.4

**KẾ TOÁN BÁN HÀNG THEO PHƯƠNG THỨC TRẢ CHẬM,
TRẢ GÓP**



* **Phương thức hàng đổi hàng không tương tự:**

- Là phương thức tiêu thụ mà người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa của người khác.

- Giá trao đổi là giá bán trên thị trường hoặc tương đương trên thị trường gọi là giá trị hợp lý.

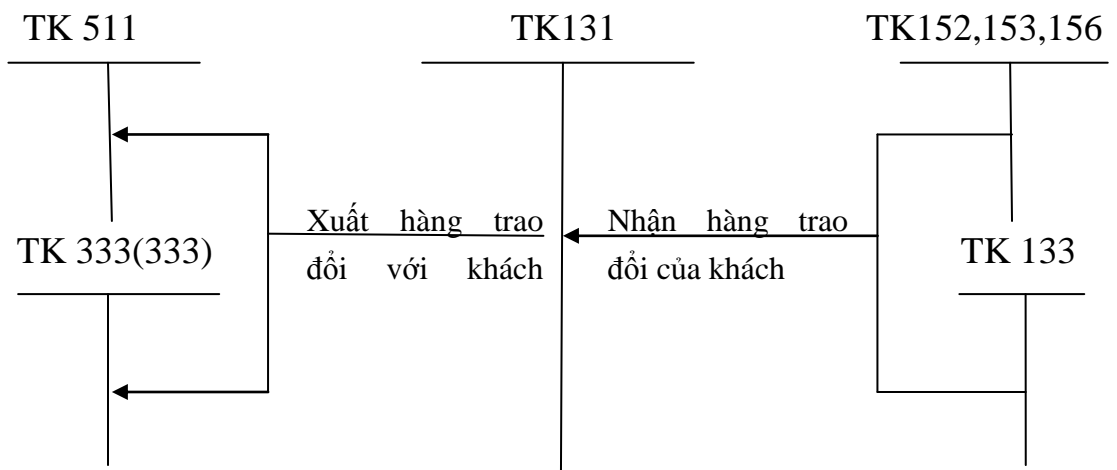
- Hàng hóa dịch vụ đưa đi trao đổi được hạch toán như bán hàng: ghi nhận doanh thu và thuế GTGT đầu ra.

- Hàng hóa dịch vụ nhận về được hạch toán như mua: ghi nhận hàng nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

- Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.5:

KẾ TOÁN DOANH THU THEO PHƯƠNG THỨC HÀNG ĐỔI HÀNG KHÔNG TƯƠNG TỰ



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ *Tài khoản sử dụng:*

Theo Chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì tài khoản 521 được sử dụng để phản ánh chung cho các khoản chiết khấu thương mại, các khoản giảm giá hàng bán dành cho khách hàng và doanh thu hàng bán bị trả lại nhưng vẫn chi tiết theo 3 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 5211- Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212- Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213- Giảm giá hàng bán

Ngoài các khoản giảm trừ doanh thu trên thì những khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp cho nhà nước cũng làm giảm doanh thu. Nhóm tài khoản cấp 2 của tài khoản 333(Thuế và các khoản phải nộp nhà nước) được sử dụng để hạch toán các khoản thuế này, cụ thể như sau:

- Tài khoản 3331- Thuế GTGT(nộp theo phương pháp trực tiếp)
- Tài khoản 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Tài khoản 3333- Thuế xuất khẩu.

➤ *Một số quy định khi hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:*

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kì theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

+ Trường hợp mua 1 lần với khối lượng lớn, được hưởng chiết khấu thương mại và được ghi giảm trừ ngay vào giá bán trên hóa đơn thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 521 (5211) và giá bán trên hóa đơn trong trường hợp này là doanh thu bán hàng.

+ Trường hợp mua nhiều lần mới đạt được khối lượng được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trên “hóa đơn GTGT” hoặc “hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng.

+ Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong trường hợp này được hạch toán vào tài khoản 521.

- Chỉ phản ánh vào tài khoản 521 (5213) các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (Giảm giá

ngoài hóa đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

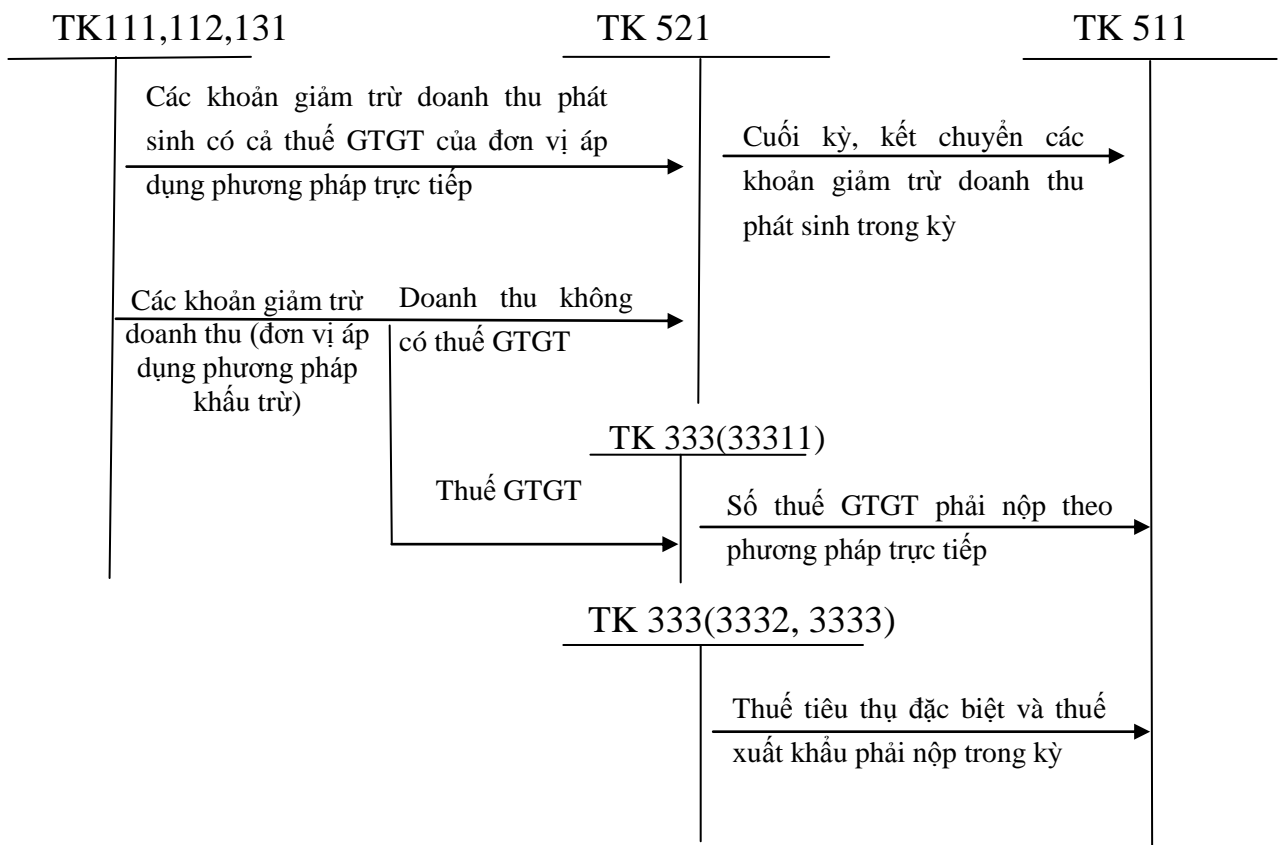
- Chỉ phản ánh vào tài khoản 521 (5212) giá trị của số hàng bị trả lại đúng bằng số lượng hàng bị trả lại nhân đơn giá bán ghi trên hóa đơn.

- Trong kì các khoản giảm trừ phát sinh thực tế được phản ánh vào bên nợ TK521. Cuối kì, các khoản giảm trừ này được kết chuyển sang tài khoản 511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thực tế phát sinh trong kì hạch toán.

➤ Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Sơ đồ 1.6:

**KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI, GIẢM GIÁ HÀNG BÁN,
HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI VÀ CÁC KHOẢN THUẾ LÀM GIẢM
DOANH THU**



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTGT-3LL)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01-GTKT-3LL)
- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
- Bảng kê mua hàng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng,...

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 632(áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên).
- TK 611,631(áp dụng phương pháp kiểm kê định kì).
- Một số tài khoản liên quan: 155,157,154,911....

➤ **Một số quy định khi hạch toán giá vốn hàng bán:**

- Chỉ hạch toán giá vốn của hàng bán khi các hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ được xác định là đã tiêu thụ trong kỳ.

- Các khoản chi phí phát sinh như chi phí hao hụt, mất mát sau của hàng tồn kho sau khi đã trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí xây dựng; chi phí tự chế tài sản cố định vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

- Việc tính giá vốn của hàng hóa xuất kho được thực hiện theo một trong bốn phương pháp quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 “ Hàng tồn kho”, đó là:

+ Phương pháp bình quân gia quyền (bình quân cả kỳ hoặc bình quân liên hoàn)

+ Phương pháp nhập trước, xuất trước(FIFO)

+ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

+ Phương pháp giá đích danh.

Doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.

Trị giá hàng nhập kho từ nguồn mua ngoài:

Giá thực tế hàng hóa nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua thực tế phát sinh	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	-	Chiết khấu thương mại, các khoản giảm giá hàng mua được hưởng
-------------------------------	---	--------------------------	---	-----------------------------------	---	------------------------------------	---	---

Xác định giá vốn hàng xuất kho:

Phương pháp bình quân gia quyền:

Giá thực tế hàng i xuất kho	=	Số lượng hàng i xuất kho	*	Giá đơn vị bình quân gia quyền của hàng i
-----------------------------	---	--------------------------	---	---

Giá đơn vị bình quân gia quyền của hàng i có thể được tính theo 2 cách:

+ Theo **phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ**: nghĩa là chỉ đến cuối kỳ, kế toán tính giá bình quân đơn vị một lần theo công thức:

Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền của hàng i	=	$\frac{\text{Trị giá hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Tổng trị giá hàng i nhập vào trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Tổng số lượng hàng i nhập vào trong kỳ}}$
---	---	---

+ Theo **phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn**: nghĩa là kế toán chỉ được tính giá bình quân sau lần nhập kế trước ngày xuất. Giữa các lần xuất không có lần nhập nào xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi. Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền của hàng i lần xuất thứ j	=	$\frac{\text{Trị giá hàng i tồn sau lần nhập kế trước lần xuất thứ j}}{\text{Lượng hàng i tồn sau lần nhập kế trước lần xuất thứ j}}$
--	---	---

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**: Theo phương pháp này giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

- **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**: Theo phương pháp này thì lượng hàng nhập sau sẽ được xuất trước.

- **Phương pháp thực tế đích danh**: Giá của từng loại hàng hóa được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó. Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng, có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho.

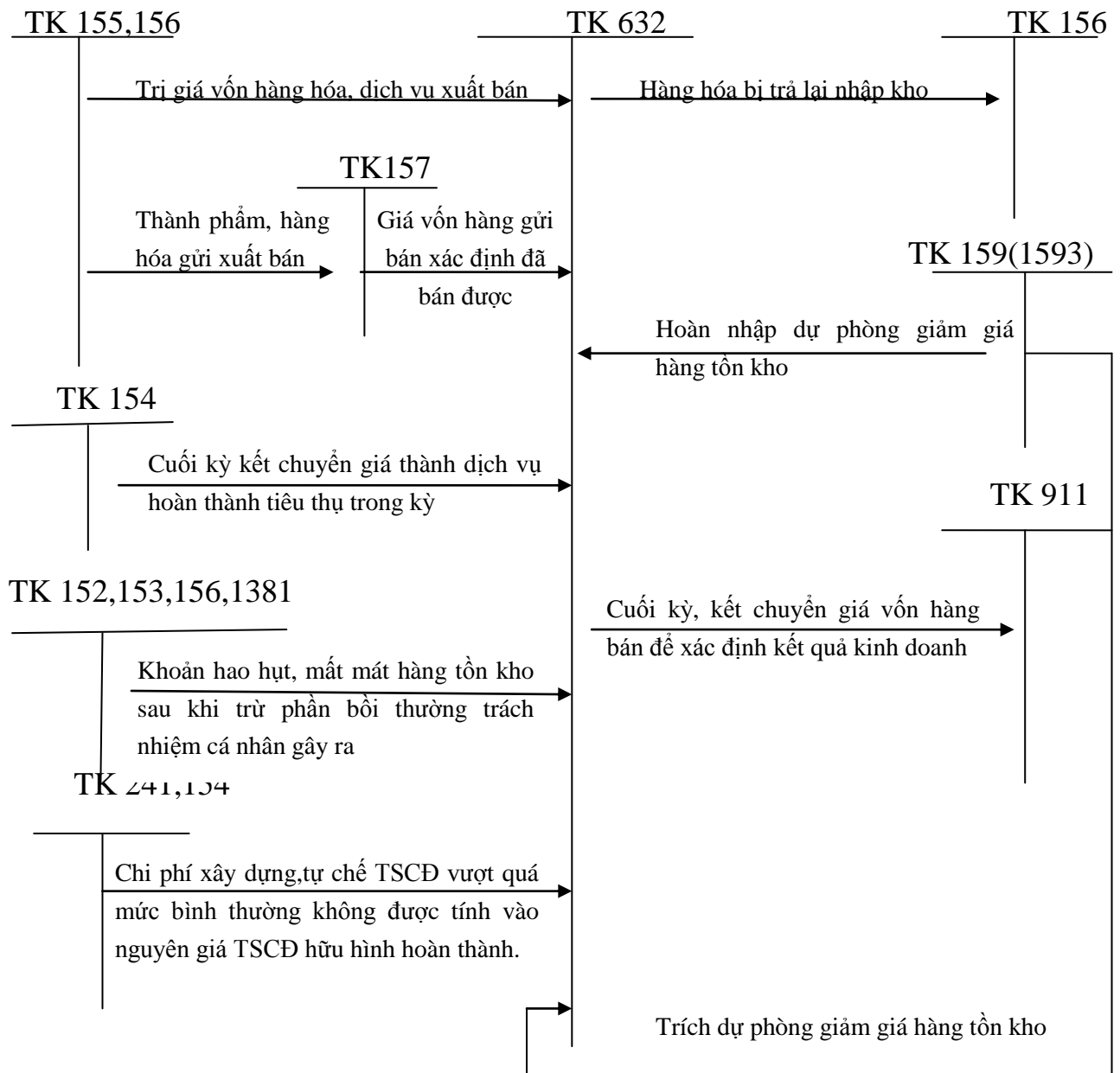
- Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán:

a, Đối với doanh nghiệp áp dụng theo phương pháp kiểm kê thường xuyên

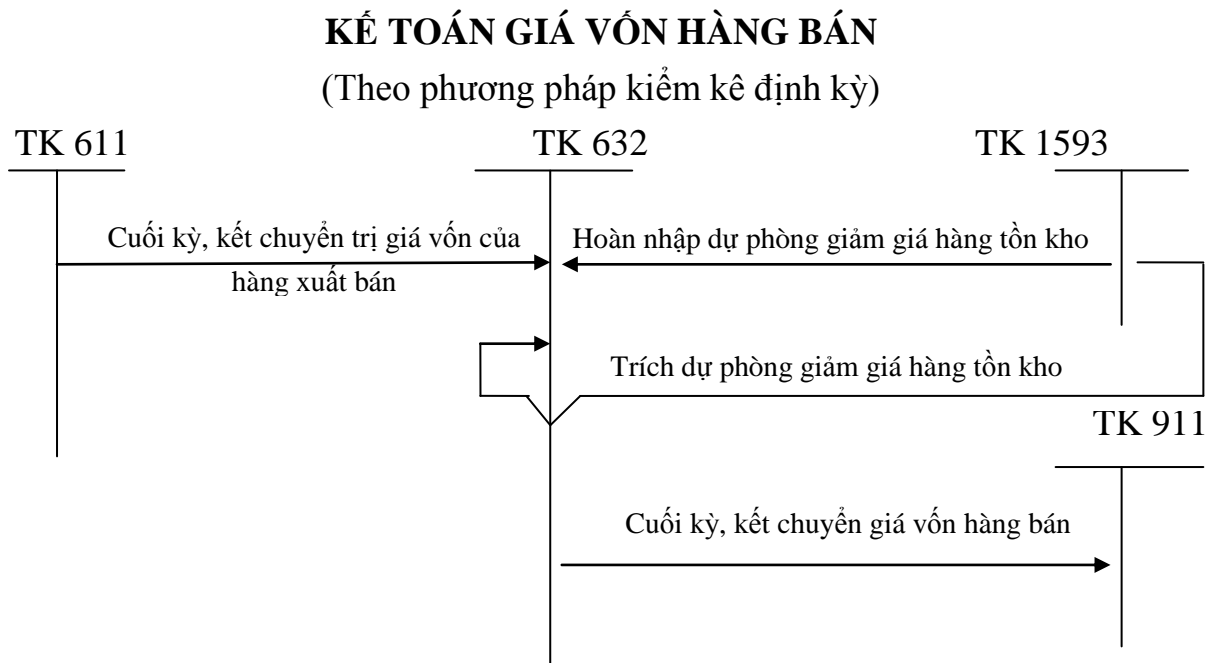
Sơ đồ số 1.7 :

KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(Theo phương pháp kiểm kê thường xuyên)



b, Đối với doanh nghiệp áp dụng theo phương pháp kiểm kê định kỳ
Sơ đồ số 1.8:



1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh, phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- + *Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng* phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hội nghị khách hàng, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động bán hàng...
- + *Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp* phản ánh những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế nhà đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng phải trả, chi phí dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị, công tác phí,...) (Giá có thuế, hoặc chưa có thuế Giá trị gia tăng).
- Tùy theo đặc điểm kinh doanh của từng doanh nghiệp ta có thể theo

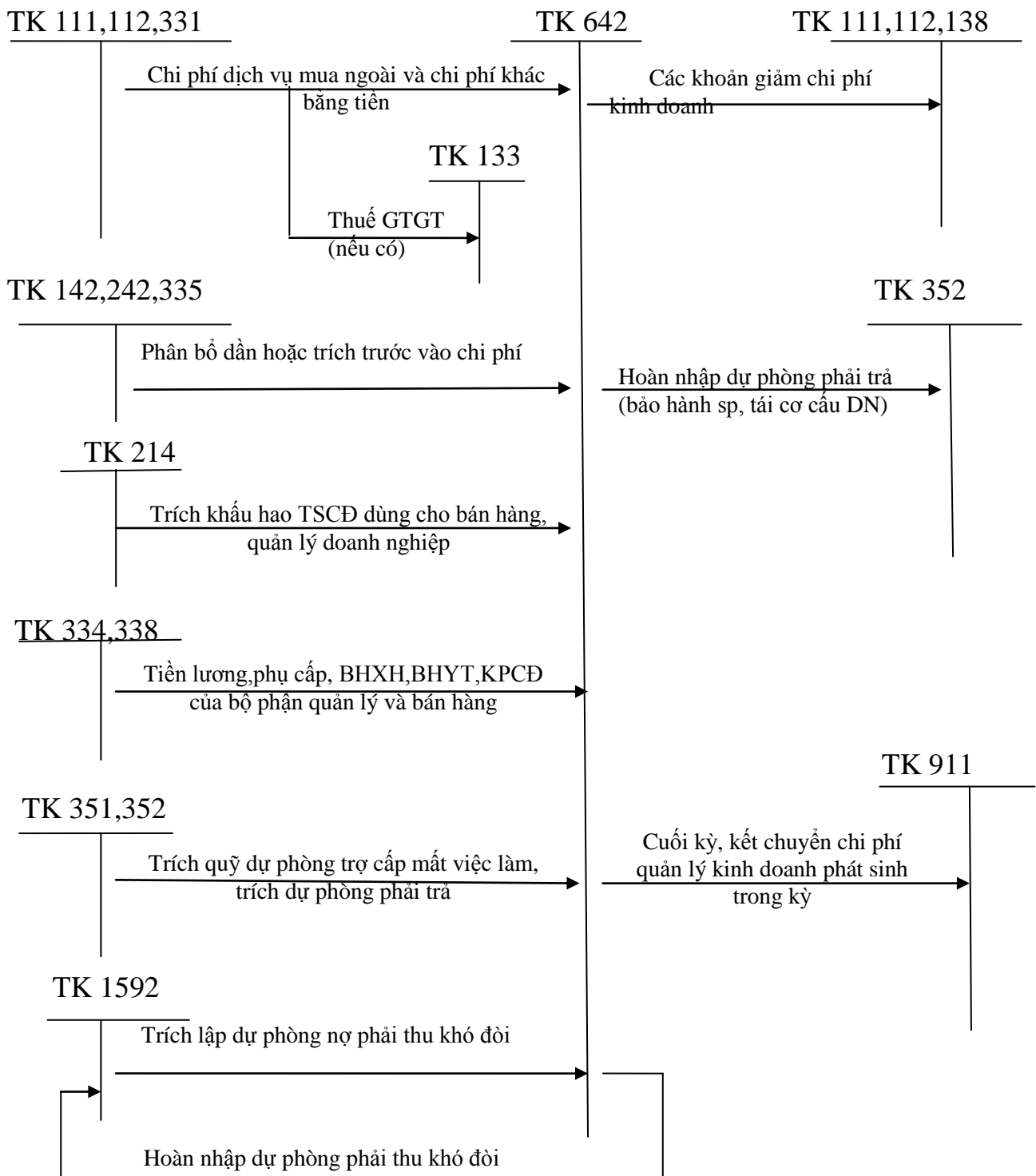
đôi chi tiết đối với từng loại chi phí.

- Tài khoản 6421 “ Chi phí bán hàng” gồm:
 - + Chi phí nhân viên bán hàng
 - + Chi phí vật liệu, bao bì
 - + Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - + Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + Chi phí bảo hành
 - + Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + Chi phí bằng tiền khác
- Tài khoản 6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp” gồm:
 - + Chi phí nhân viên quản lý
 - + Chi phí vật liệu quản lý
 - + Chi phí đồ dùng văn phòng
 - + Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + Thuế, phí và lệ phí
 - + Chi phí dự phòng
 - + Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + Chi phí bằng tiền khác

➤ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ số 1.9:

KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH



1.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí tài chính

1.2.5.1. Kế toán doanh thu tài chính

➤ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

+ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia;

+ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

+ Thu nhập về thu hồi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

+ Lãi tỷ giá hối đoái;

+ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;

+ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

+ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

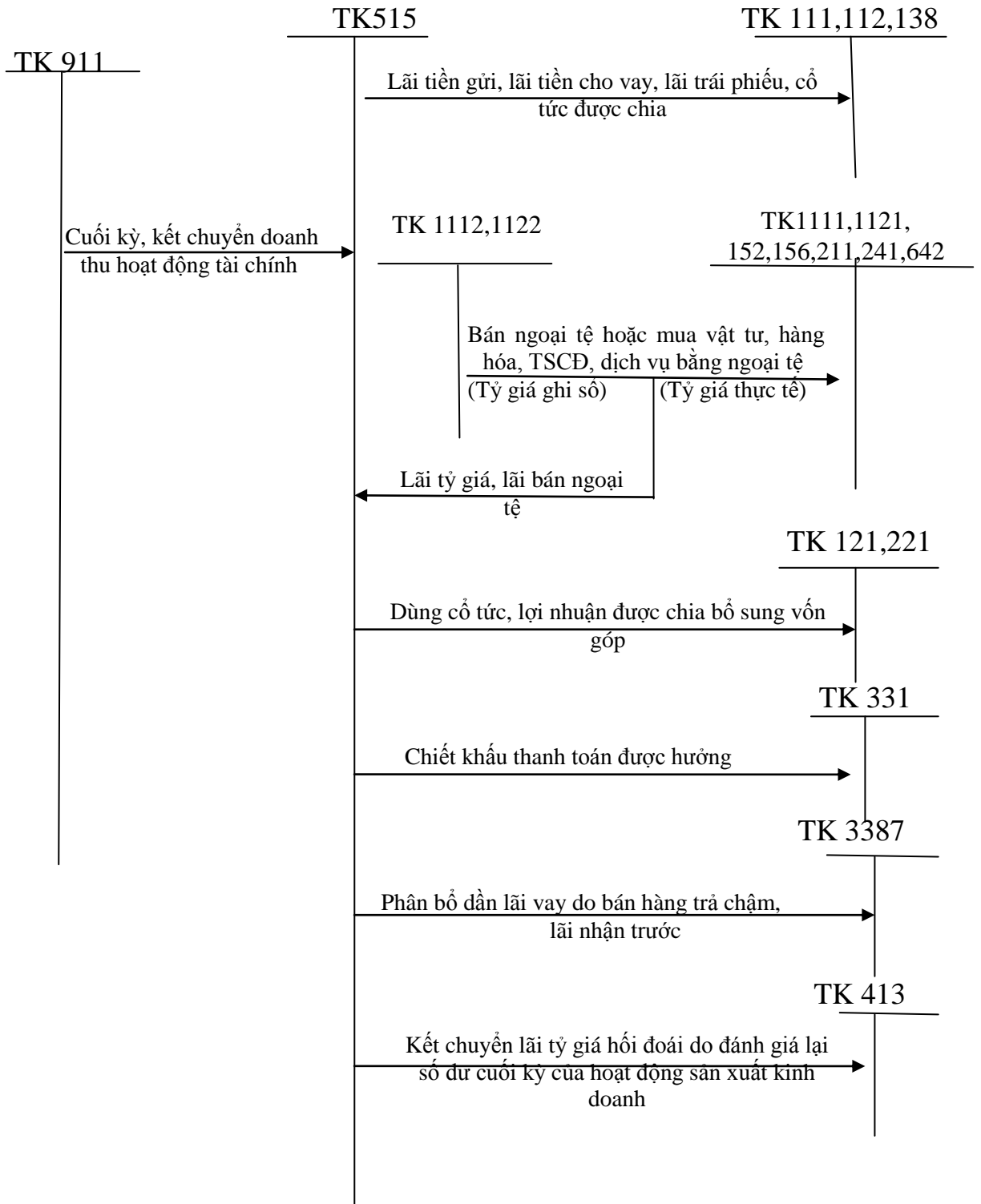
Doanh thu hoạt động tài chính được phản ánh trên tài khoản 515 bao gồm khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

- Cuối kỳ, doanh thu tài chính phát sinh trong kỳ được kết chuyển sang bên Có của TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. TK 515 không có số dư.

➤ Sơ đồ quy trình hạch toán: (sơ đồ 1.12)

Sơ đồ số 1.10

KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



1.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính

➤ Tài khoản sử dụng:

- **Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”**: Tài khoản này phản ánh những chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

- Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

- Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

+ Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí quản lý kinh doanh;

+ Chi phí kinh doanh bất động sản;

+ Chi phí đầu tư xác định cơ bản;

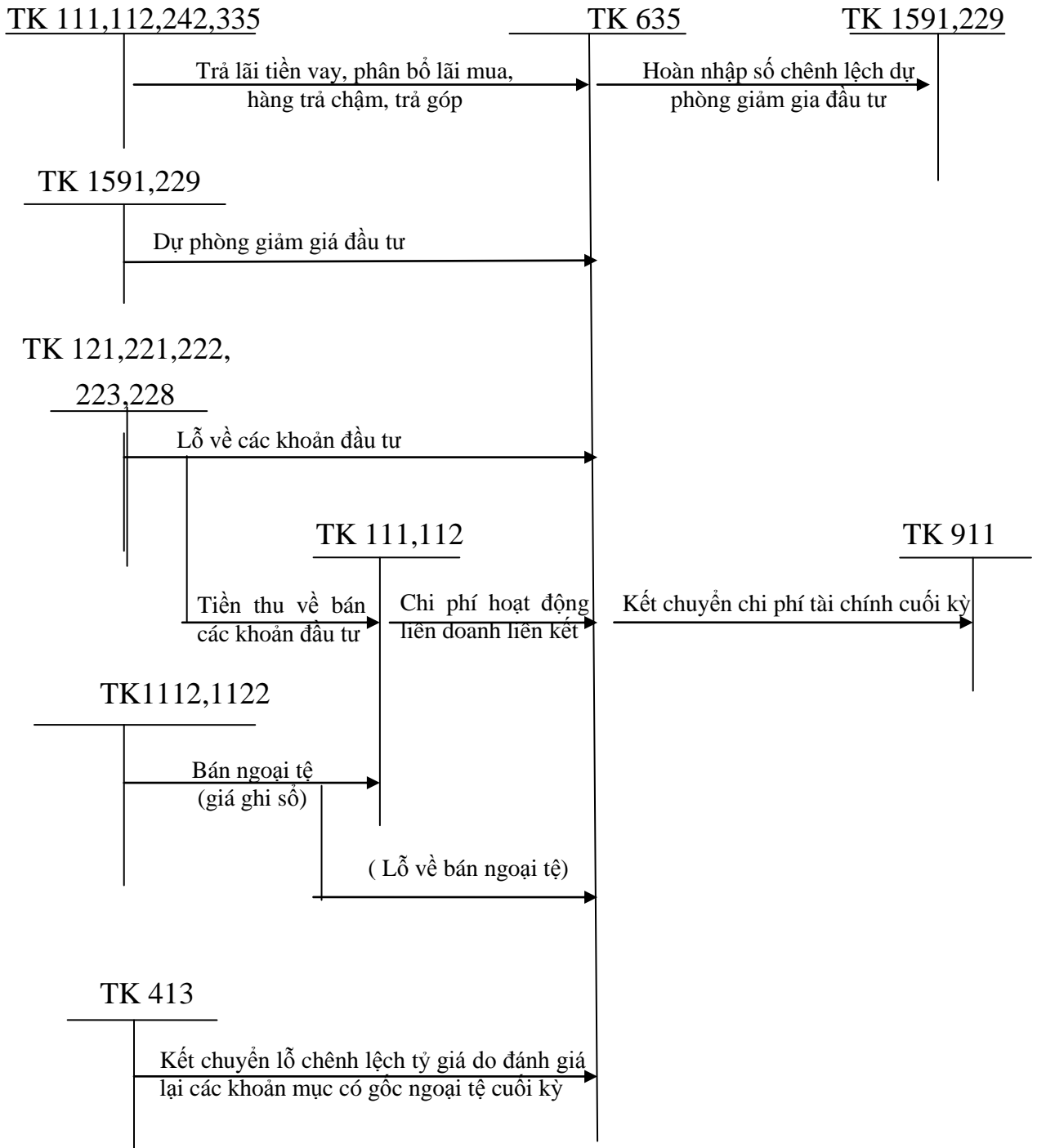
+ Các khoản chi phí khác được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;

+ Chi phí tài chính khác.

- Cuối kỳ, tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ được kết chuyển sang bên Nợ của TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. TK 635 không có số dư.

➤ Quy trình hạch toán: (sơ đồ 1.13)

KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH



1.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác

➤ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”: tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

+ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

+ Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

+ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê tài sản;

+ Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

+ Thu tiền các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;

+ Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại;

+ Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

+ Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trên doanh thu(nếu có)

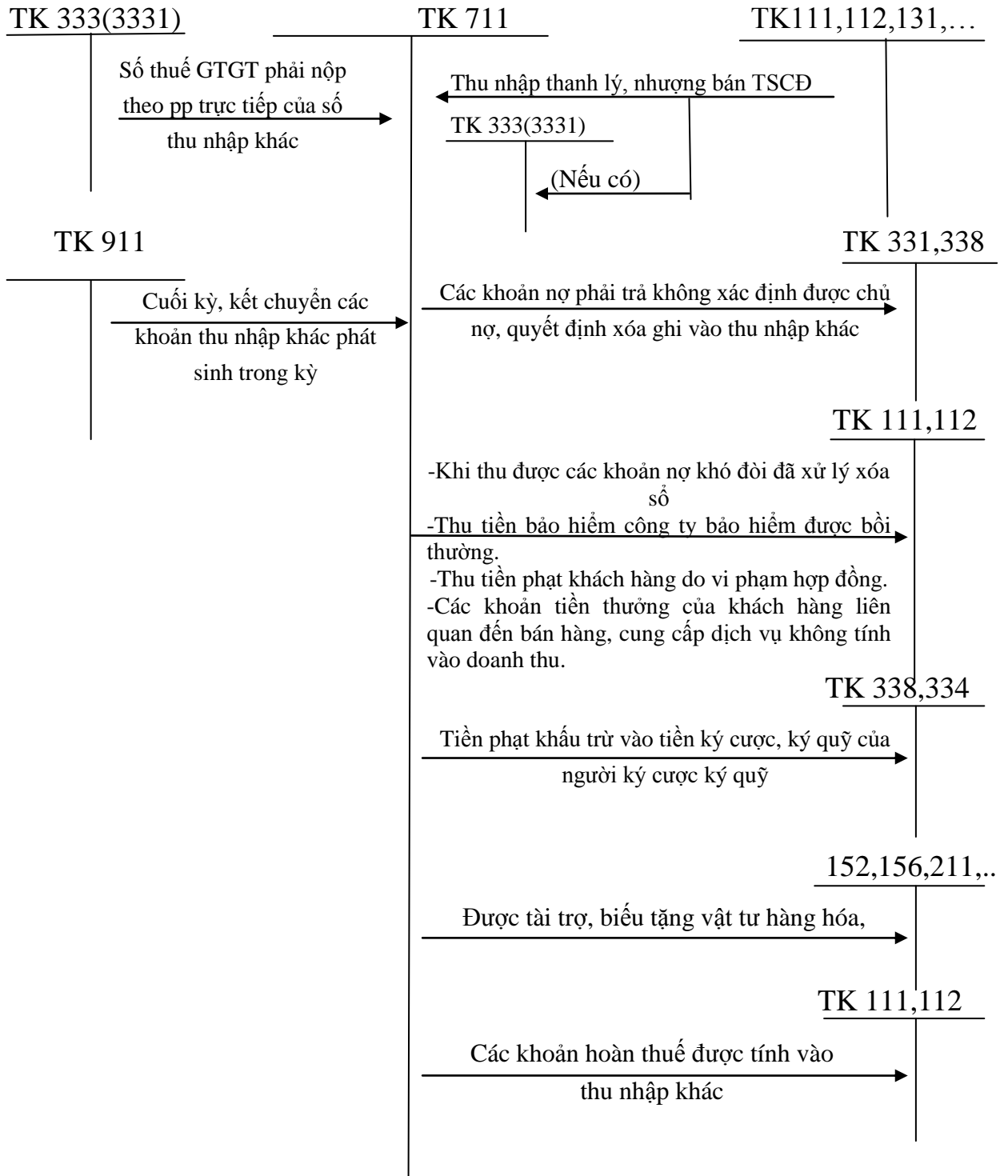
+ Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, các nhân tặng cho doanh nghiệp;

+ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

- Cuối kì, tổng số phát sinh của khoản thu nhập khác sẽ được kết chuyển sang bên Có của tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. Tài khoản 711 không có số dư.

➤ Sơ đồ hạch toán: (sơ đồ 1.14)

KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC



1.2.6.2. Kế toán chi phí khác

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 811 “ Chi phí khác” : tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

- Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)

+Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác:

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế,

+ Bị phạt thuế, truy thu thuế.

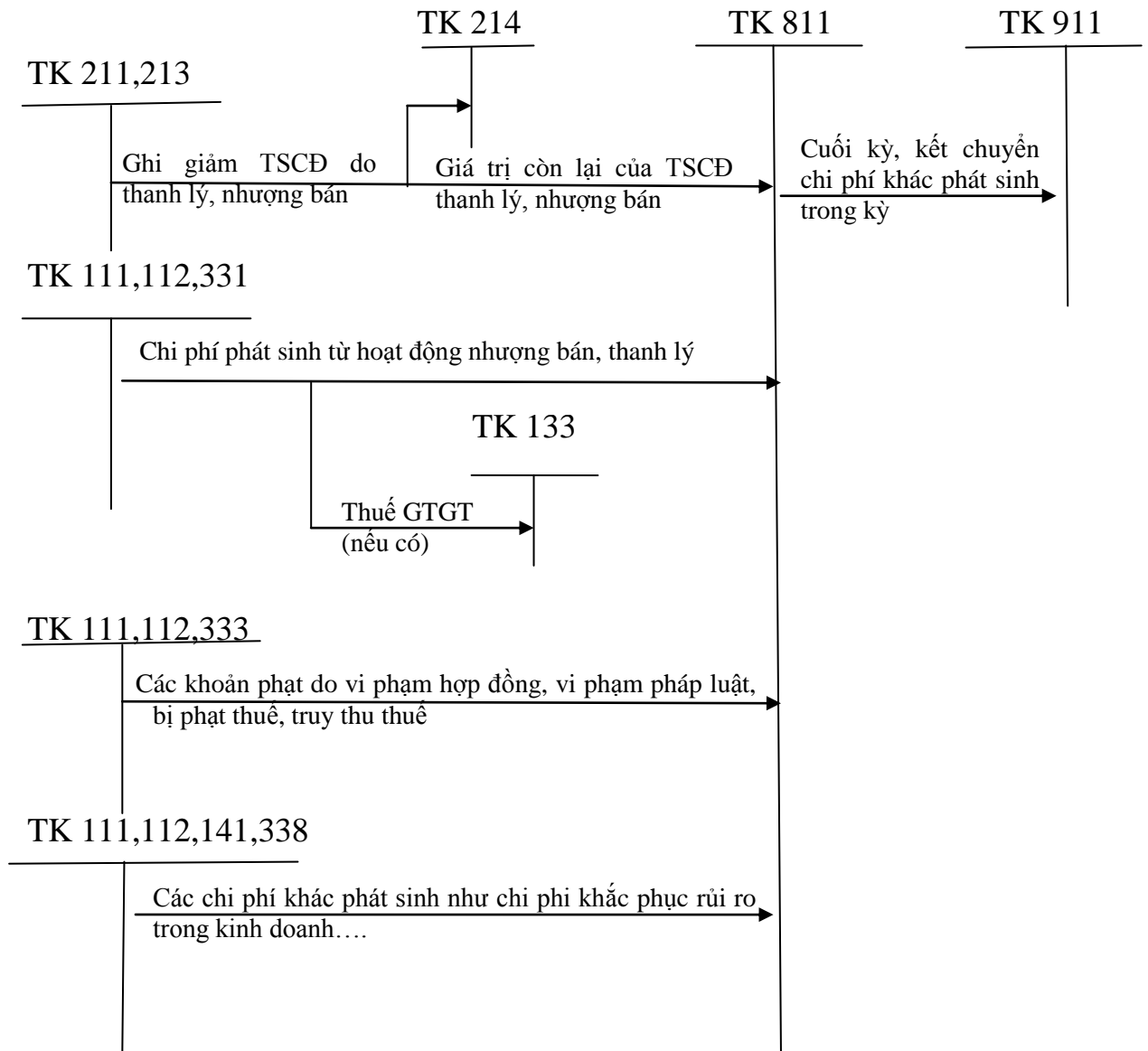
+ Các khoản chi phí khác còn lại như chi khắc phục sự cố rủi ro trong kinh doanh....

- Cuối kỳ, toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ được kết chuyển sang bên Nợ của tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ số 1.15:

KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC.



1.2.7. Kế toán chi phí thuế TNDN

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Sử dụng tài khoản 821 để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:

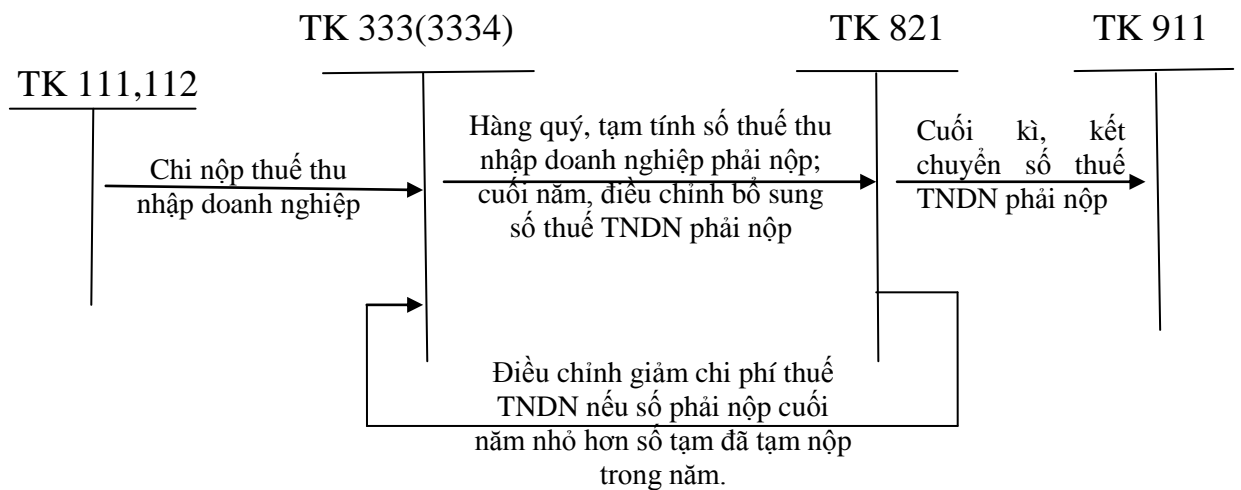
+ Tài khoản 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

+ Tài khoản 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

➤ **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ số 1.16 :

KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

➤ Tài khoản sử dụng:

* Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Kết cấu tài khoản 911 như sau:

- Tài khoản 911 không có số dư cuối kì

* Tài khoản 421 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”

- Tài khoản 421 có thể có số dư bên nợ hoặc số dư bên Có

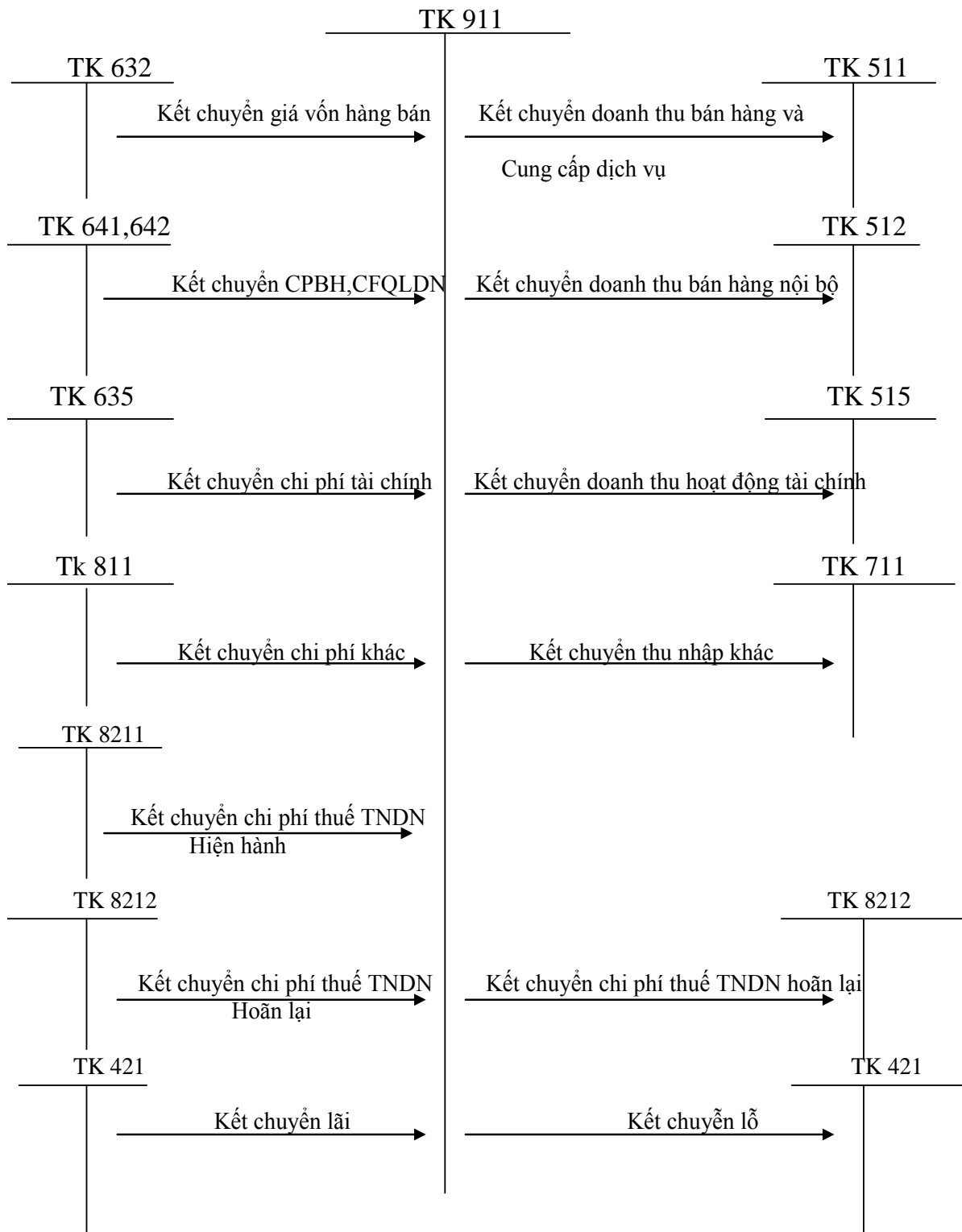
+ Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

+ Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

➤ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ số 1.17. :

KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



1.3. Các hình thức kế toán tại các doanh nghiệp.

1.3.1. Hình thức nhật kí chung

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí chung : Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật kí, mà trọng tâm là sổ Nhật kí chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật kí để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

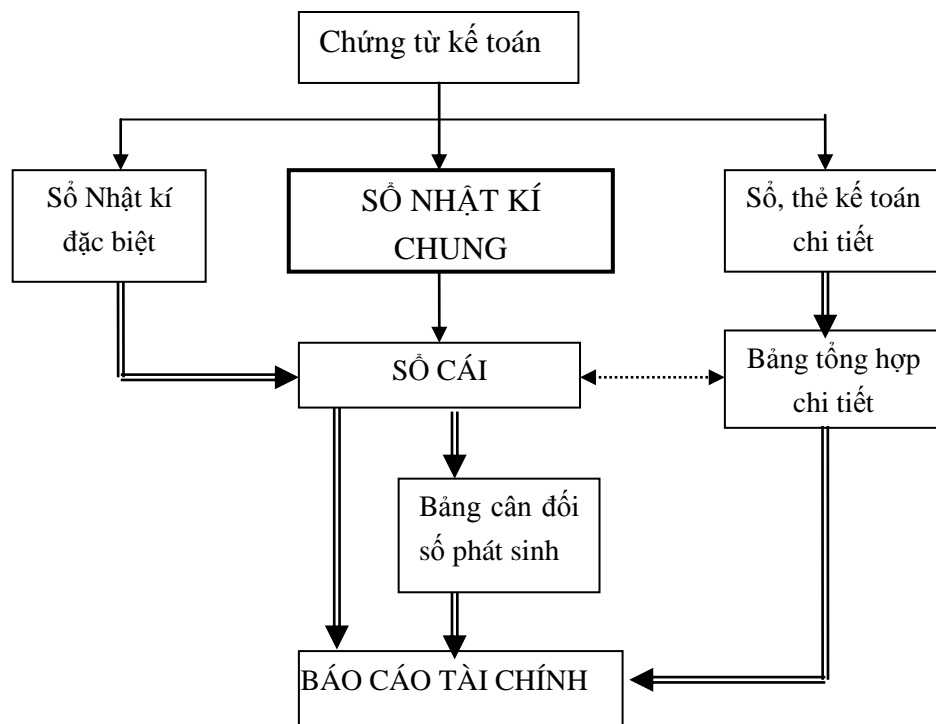
Hình thức kế toán Nhật kí chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật kí chung, Sổ Nhật kí đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật kí chung:

Sơ đồ số 01

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật kí chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

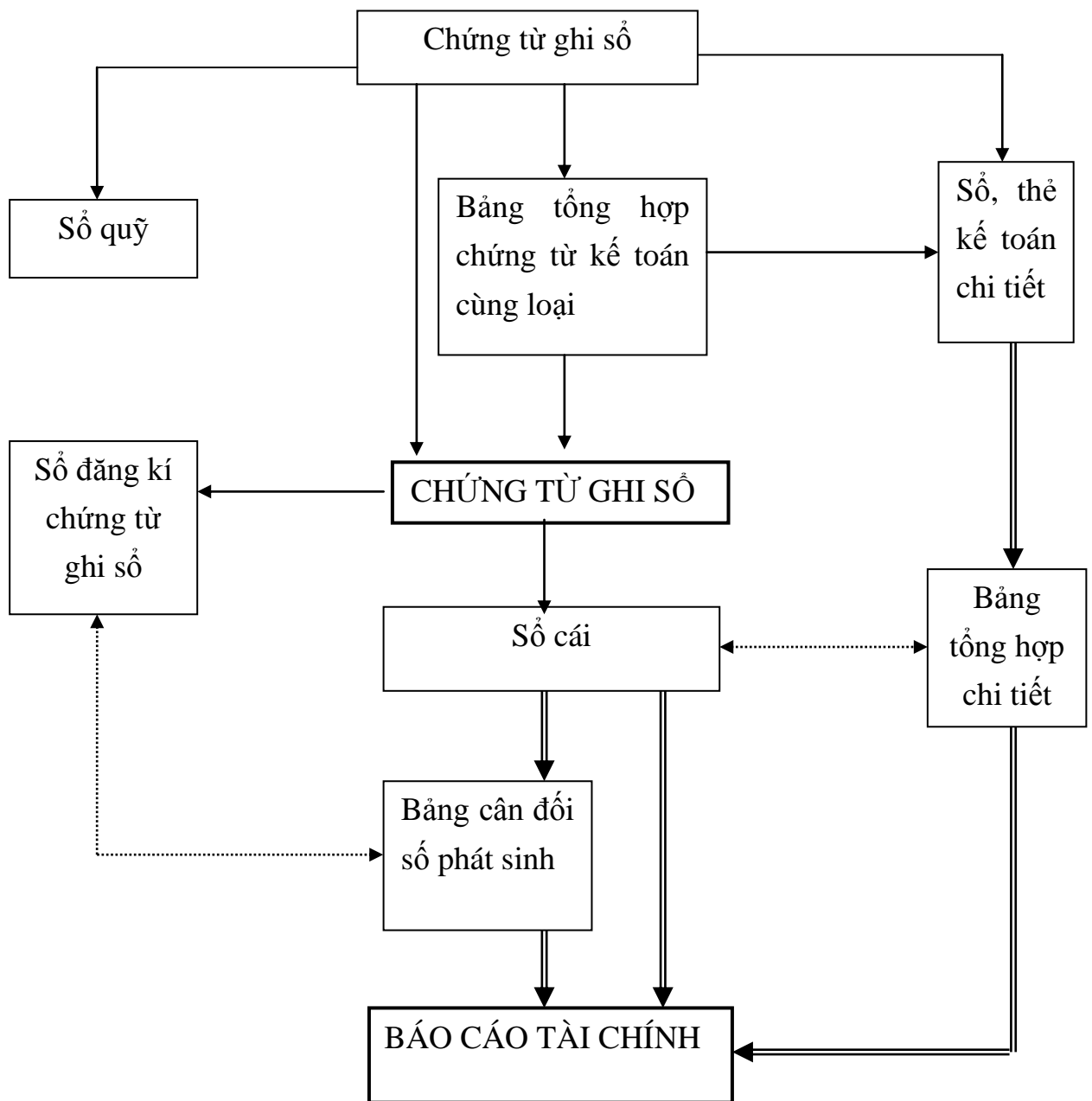
Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ:

Sơ đồ số 02

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.3. Hình thức Nhật kí- sổ cái

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí- Sổ cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí- Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật kí- Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật kí- Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

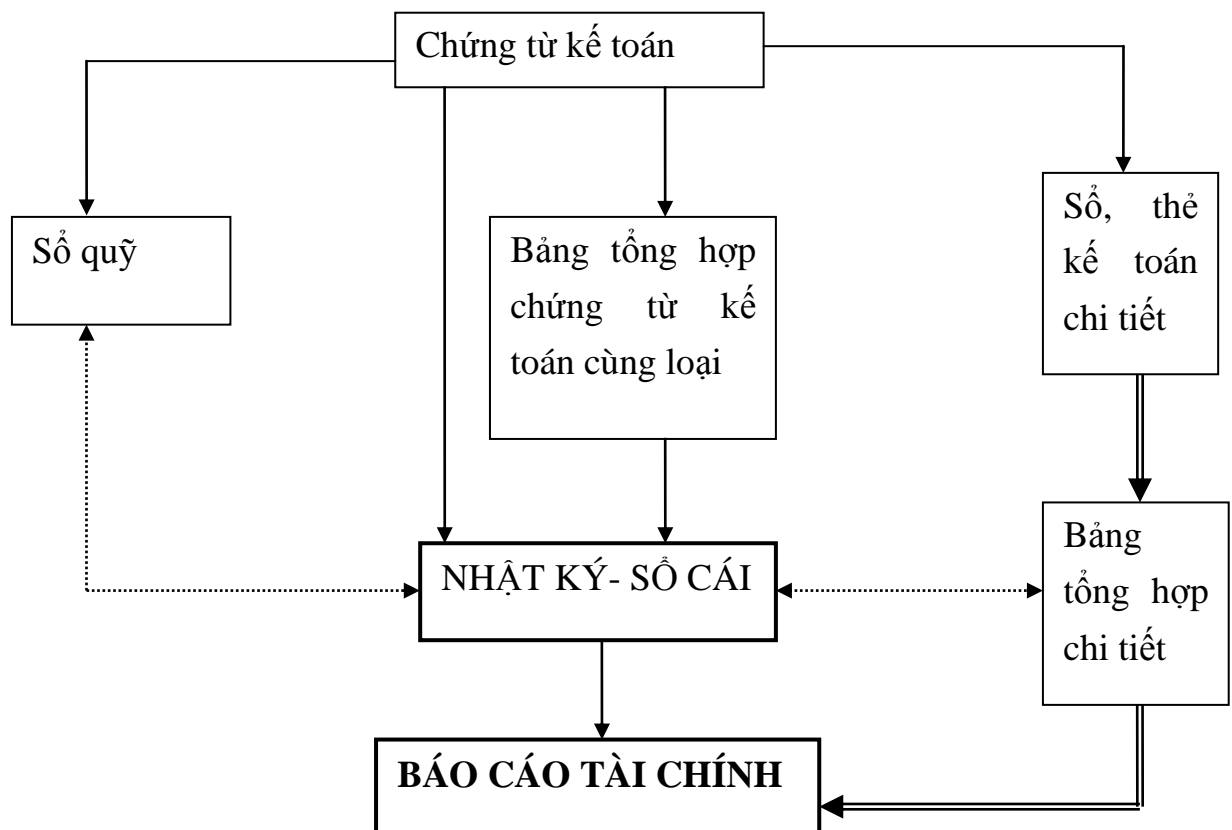
Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật kí – Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật kí- Sổ cái:

Sơ đồ số 03

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật kí- Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.4.Hình thức kế toán trên máy

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ các quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ các sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

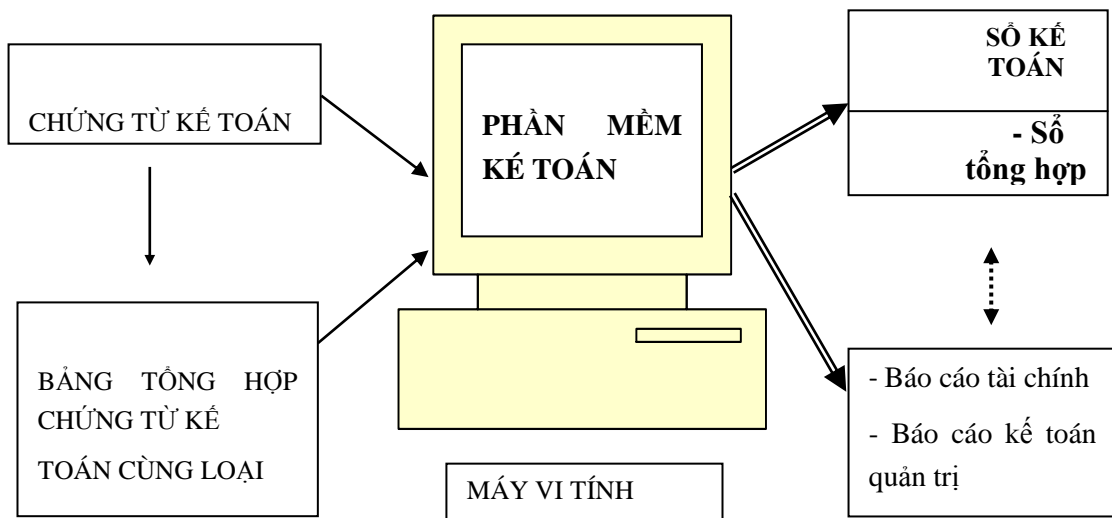
❖ Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức trên máy vi tính.

Sơ đồ số 04

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

2.1 Giới thiệu chung về công ty

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu là một công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ vận tải hàng hóa nội địa và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Trải qua 7 năm hoạt động, bất chấp mọi khó khăn của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng như sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành giao thông vận tải, Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu đang ngày càng lớn mạnh và phát triển bền vững hơn. Có được sự phát triển đó chính là nhờ vào sự đồng lòng nhất trí cao giữa ban lãnh đạo công ty với đội ngũ nhân viên có trình độ, năng động, nhiệt huyết, quyết tâm đưa công ty vượt qua được mọi khó khăn.

* Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Hàng Hải Á Châu được thành lập vào ngày 13/9/2007 theo quyết định số 0203003456 của Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng với:

- Tên giao dịch là: Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu
- Tên giao dịch quốc tế: Asia Shipping Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: ASHICO
- Trụ sở chính: Tầng 8, tòa nhà ACB, số 15 Hoàng Diệu, thành phố Hải Phòng.

- Email: ashicomarine@vnn.vn

- Fax: 031.3569566.

- Mã số thuế: 0200760826.

- Lĩnh vực kinh doanh:

Trong bản đăng ký kinh doanh, công ty đăng ký hoạt động kinh doanh trên nhiều lĩnh vực tuy nhiên trên thực tế, hoạt động kinh doanh của công ty có thể chia làm 3 mảng chính:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa nội địa.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Dịch vụ cho thuê kho bãi.

2.1.2 Loại hình doanh nghiệp

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Mức vốn điều lệ đăng kí là: 4.500.000.000. Vốn điều lệ của công ty do nhiều thành viên góp vốn. Công ty có đầy đủ quyền lợi và trách nhiệm của loại hình công ty cổ phần được quy định tại Luật thương mại 2005. Công ty có con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại ngân hàng Á Châu ACB- chi nhánh duyên hải và ngân hàng SHB- ngân hàng Sài Gòn- Hà Nội.

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh.

*** Thuận lợi:**

- Kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển và hội nhập với thế giới, đặc biệt là từ khi đất nước Việt Nam ta ra nhập vào tổ chức thương mại Thế giới WTO năm 2007 đã mở ra nhiều cơ hội lớn cho hoạt động ngoại thương giữa nước ta và nước bạn. Nắm bắt được cơ hội, dự đoán tốt về thị trường, ngay từ ngày đầu hoạt động doanh nghiệp đã có chiến lược để phát triển tập trung vào các ngành dịch vụ như: dịch vụ vận tải hàng hóa, dịch vụ hàng hải, dịch vụ giao nhận, tiếp vận hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa. Cho đến nay doanh nghiệp đã hoạt động rất tốt, tạo được niềm tin, uy tín đối với các khách hàng trong lĩnh vực này.

- Công ty thuê địa điểm văn phòng tại số 15 đường Hoàng Diệu, gần với các công ty vận tải và cảng biển nên rất thuận tiện trong việc giao dịch, làm ăn với các đối tác.

*** Khó khăn:**

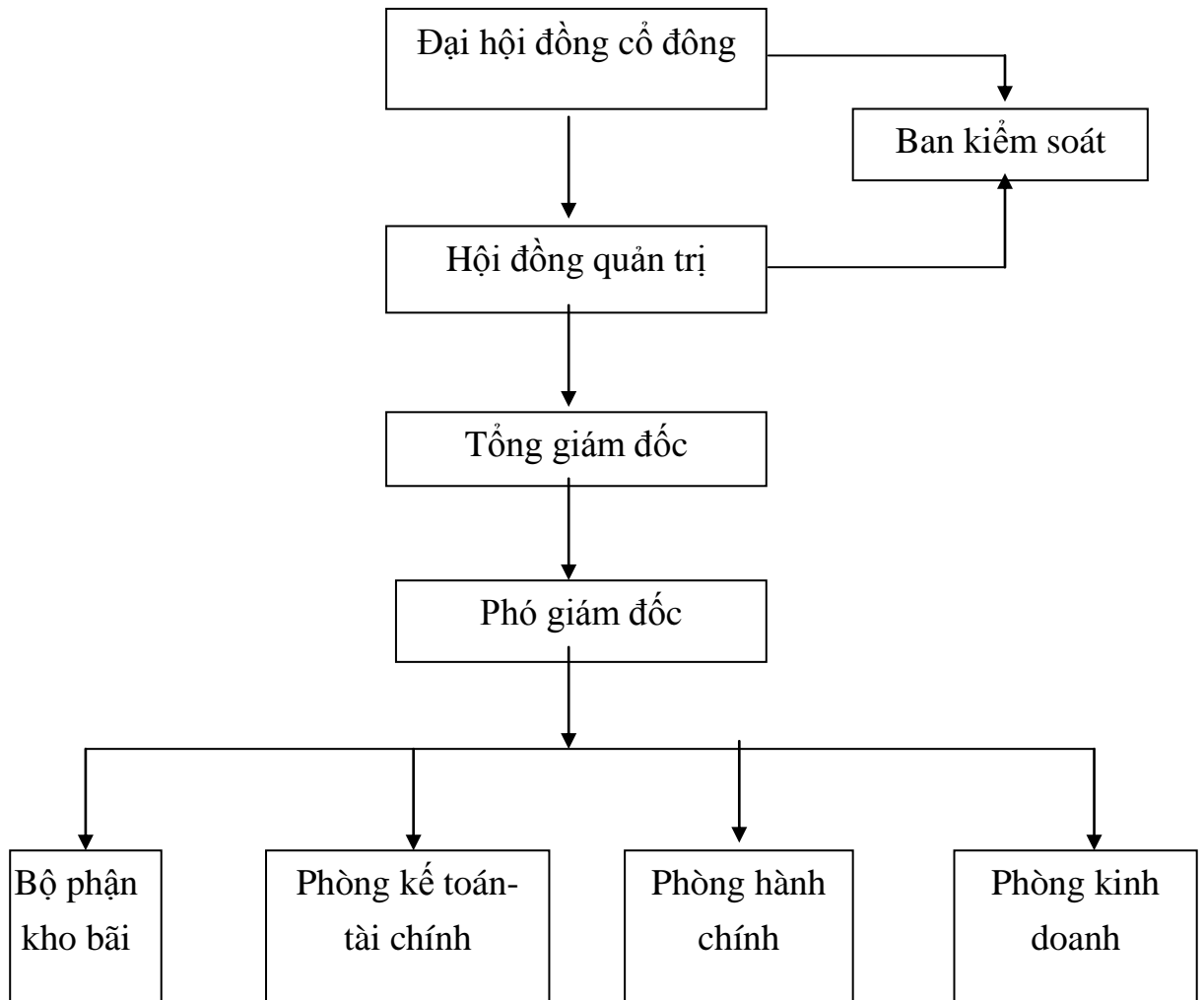
- Những năm gần đây kinh tế của Thế giới nói riêng và Việt Nam nói chung đang sa sút do chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính trên thế giới, thêm vào đó ngày càng có nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, giao nhận ra đời. Điều này làm cho thị phần của công ty bị thu hẹp lại ít nhiều. Do vậy đòi hỏi công ty phải nâng cao chất lượng dịch vụ hơn nữa và có những chiến lược kinh doanh khác để tăng sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- Lạm phát tăng cao, các chi phí đầu vào như tiền điện, tiền nước, chi phí xăng dầu đều tăng mạnh khiến doanh nghiệp phải có những kế hoạch cắt giảm chi phí sao cho tiết kiệm được các chi phí phát sinh trong kì mà vẫn đảm bảo được chất lượng của sản phẩm dịch vụ.

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.

Sơ đồ 2.1:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty và có nhiệm vụ:

- Thông qua điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- Nhiệm vụ khác do điều lệ công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nhiệm vụ:

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty.

-Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động và quỹ lương của Công ty.

-Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.

-Kiểm nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty.

-Quy định triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban giám đốc.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm. Tổng giám đốc có nhiệm vụ :

-Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị, kế hoạch kinh doanh.

-Bổ nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý của Công ty: Phó Giám đốc chi nhánh, công ty thành viên, Trưởng và phó phòng sau khi đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

-Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của Điều lệ Công ty.

-Báo cáo trước Hội đồng Quản trị tình hình hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước Hội đồng quản trị.

Phó giám đốc:

Phó giám đốc chịu trách nhiệm điều hành và giải quyết những vấn đề thuộc nội bộ Công ty, nghiên cứu thâm tó m các thông tin thị trường và hoạt động của Công ty ngoài thị trường. Phó giám đốc giúp giám đốc chỉ huy mọi hoạt động của Công ty.

Phòng kinh doanh:

Phòng kinh doanh là cơ quan chuyên môn, có chức năng tham mưu giúp ban Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tổ chức, xây dựng, thực hiện công tác kinh doanh của Công ty. Xây dựng các hợp đồng mua bán, đại lý, dịch vụ trong phạm vi Công ty.

Phòng hành chính:

Tổ chức tuyển chọn nhân viên theo kế hoạch và chỉ tiêu được giao, giải quyết chính sách, chế độ, quyền lợi cho nhân viên, quản lý hồ sơ, tổ chức hội họp tiếp khách.

Phòng tài chính- kế toán:

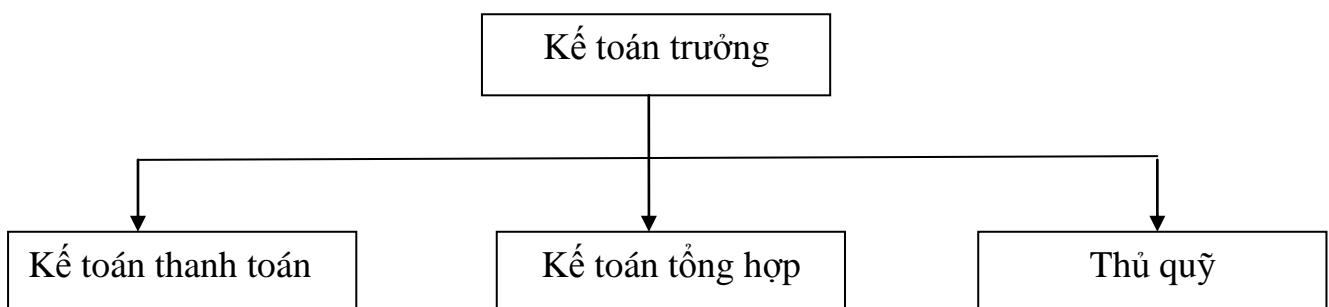
Phòng tài chính-kế toán là cơ quan chuyên môn giúp Giám đốc Công ty trong việc quản lý tài chính, xây dựng các kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn, thực hiện công tác kế toán thống kê của Công ty. Quản lý và thực hiện chặt chẽ chế độ tài vụ của Công Ty theo đúng nguyên tắc quy định của nhà nước và ban giám đốc của Công Ty. Hoàn thành việc quyết toán sổ sách và báo cáo tài chính, lưu trữ và bảo mật hồ sơ chứng từ...Thực hiện đúng nguyên tắc về chế độ tiền lương, thưởng theo quy định. Quản lý trực tiếp các quỹ của công ty, theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình tài chính cho giám đốc.

2.1.5 Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.

2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU**



- *Kế toán tổng hợp*: Tập hợp toàn bộ các chi phí chung của Công ty và các hoạt động dịch vụ khác của Công ty. Giữ Sổ Cái tổng hợp cho tất cả các phân hành và ghi sổ cái tổng hợp của Công ty.

- *Kế toán thanh toán*: Ghi chép kịp thời các nghiệp vụ thanh toán phát sinh, tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương, tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

- *Thủ quỹ*: Phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hằng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số dư trên sổ sách.

- *Kế toán trưởng* : Là người giúp giám đốc quản lý hoạt động tài chính, cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh và tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Kế toán trưởng có nhiệm vụ lựa chọn các hình thức sổ sách phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công tác tài chính kế toán của công ty.

2.1.5.2 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.

- Công ty thực hiện đúng chế độ kế toán do bộ tài chính ban hành đó là những thông tư, nghị định quy định và hướng dẫn về kế toán do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được quyền ban hành. Cụ thể công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi chép và tính toán: VNĐ

- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Tính khấu hao theo đường thẳng.

- Niên độ kế toán: từ ngày 01/01/N đến 31/12/200N

- Phương pháp tính thuế GTGT: Hạch toán theo phương pháp khấu trừ..

- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

2.1.5.3 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán

- Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã hoàn thành.

- Tất cả các chứng từ kế toán do doanh nghiệp lập ra hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung vào bộ phận kế toán doanh nghiệp. Bộ phận kế toán kiểm tra những chứng từ kế toán đó và chỉ sau khi kiểm tra và xác minh

tính pháp lý của chứng từ thì mới dùng những chứng từ đó để ghi sổ kế toán.

- Trình tự luân chuyển chứng từ:

Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán bao gồm 4 bước sau:

+ Lập, tiếp nhận, xử lý chứng từ kế toán;

+ Kế toán viên, kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán hoặc trình Giám đốc ký duyệt.

+ Phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán;

+ Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.

- Các mẫu chứng từ đều được doanh nghiệp áp dụng theo quy định của Chế độ kế toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng bộ Tài chính).

2.1.5.4 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Chế độ kế toán dùng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Trong quá trình hạch toán, để phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm kinh doanh thì công ty cũng đã nghiên cứu, vận dụng và chi tiết hóa hệ thống tài khoản nhưng vẫn đảm bảo được kết cấu, nội dung và phương pháp hạch toán phù hợp với tài khoản tổng hợp.

2.1.5.5 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách và hình thức kế toán

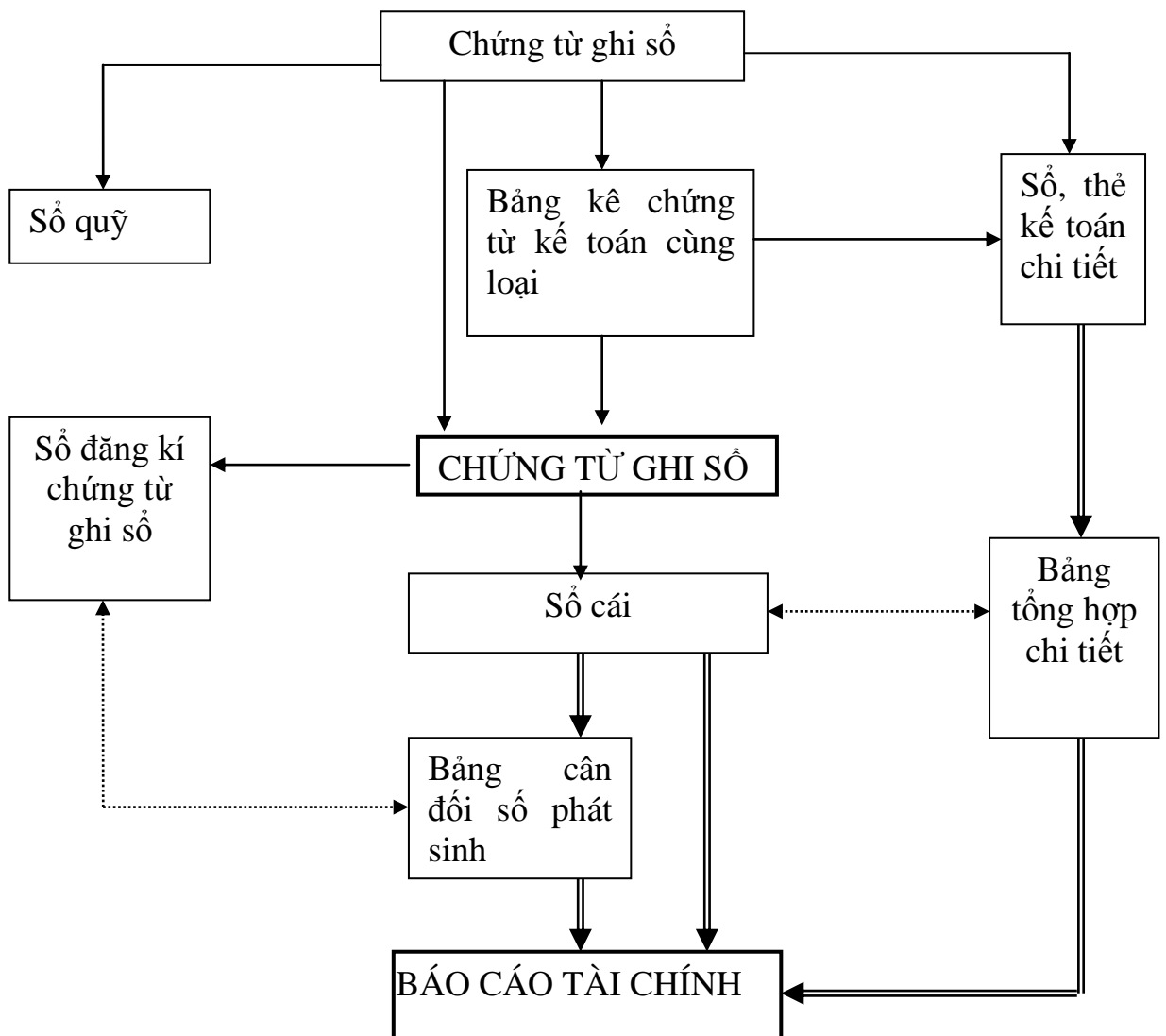
- Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này thì hệ thống sổ sách của công ty bao gồm:

+ Sổ tổng hợp: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái các tài khoản, sổ tổng hợp doanh thu, sổ tổng hợp giá vốn hàng hóa, sổ tổng hợp thanh toán với người mua, người bán.

+ Sổ chi tiết: Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán, sổ chi tiết bán hàng,

Sơ đồ 2.3:

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←──────────→

Quy trình hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:

(1)- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng kê chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2)- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3)- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.1.5.6 Hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán : Mẫu số B01 - DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh : Mẫu số B02 - DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ : Mẫu số B03 - DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính : Mẫu số B09 - DNN
- Bảng Cân đối tài khoản : Mẫu số F01 - DNN

Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Bản Thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo bắt buộc, gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng Cân đối tài khoản. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập.

Đối với công ty cổ phần thì thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty chia thành 3 mảng chính:

- Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa nội địa
- Doanh thu từ dịch vụ giao nhận hàng xuất nhập khẩu
- Doanh thu dịch vụ kho bãi

Đặc điểm của từng loại doanh thu như sau:

a, Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa:

Thương mại ngày càng phát triển, trong những năm qua nhu cầu chuyên chở hàng hóa với số lượng lớn liên tục tăng.. Với đội ngũ lái xe lành nghề và hệ thống đầu kéo container hiện đại những năm qua dịch vụ vận tải hàng hóa của công ty ngày càng phát triển, chiếm tỷ trọng lớn trong lợi nhuận của công ty. Ban đầu công ty chỉ nhận được những đơn hàng chuyên chở trong Hải Phòng, cho đến nay công ty đã mở rộng hoạt động ra các tỉnh lân cận như Móng Cái- Quảng Ninh, Hưng Yên... Uy tín của công ty ngày càng được mở rộng do chất lượng phục vụ luôn được cải thiện không ngừng.

Theo Chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính, các khoản chi phí nhân công trực tiếp (lương lái xe, phụ xe..), Chi phí nguyên nhiên liệu, chi phí sửa chữa, chi phí khấu hao máy móc...phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh này đều được hạch toán vào tài khoản 154 rồi cuối kỳ kết chuyển sang TK 632 để tính trị giá vốn của hàng hóa dịch vụ đã cung cấp

b, Doanh thu từ dịch vụ giao nhận, hàng hóa xuất nhập khẩu.

Kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập với thế giới, đặc biệt từ sau khi Việt Nam tham gia vào tổ chức thương mại Thế giới WTO thì lượng hàng hóa trao đổi hai chiều giữa nước ta và các nước bạn càng nhiều. Các hàng hóa mà các doanh nghiệp nước ta thường xuất khẩu là: thủy sản, hàng may mặc, hàng gia công mỹ nghệ, các sản phẩm nông nghiệp (cà phê, hạt tiêu, gạo...). Tuy nhiên nhiều trong số các doanh nghiệp này chỉ chuyên về sản xuất mà không nắm chắc các đường đi nước bước khiến cho việc hoàn thiện tất cả các thủ tục để hàng hóa được xuất khẩu hợp pháp bị kéo dài, gặp nhiều khó khăn. Do vậy công ty sẽ là bên trung gian giúp cho các doanh nghiệp này hoàn tất các thủ tục hải quan, các chứng từ cần thiết để xuất khẩu. Sau đó công ty

sẽ thu xếp để vận chuyển hàng hóa tới nơi nhập khẩu cho các chủ hàng. Với kinh nghiệm của mình, công ty sẽ giúp chủ hàng lựa chọn được những loại tàu phù hợp nhất với khối lượng hàng hóa vận chuyển và các đặc tính hàng hóa sản phẩm để hàng hóa được vận chuyển an toàn nhất mà chi phí chủ hàng phải bỏ ra là thấp nhất.

Đối với hàng hóa nhập khẩu về nước ta cũng tương tự như vậy. Do khoảng cách địa lý quá xa hoặc không nắm rõ về các thủ tục nên các công ty nhập hàng không thể trực tiếp nhập hàng. Do vậy công ty sẽ thay mặt các doanh nghiệp nhập hàng đó hoàn tất thủ tục nhập hàng, bốc xếp, dỡ niêm chì, và vận chuyển hàng hóa tới địa điểm đã thỏa thuận cho bên nhập hàng.

Công ty cũng là bên trung gian giúp cho việc thanh toán giữa bên xuất khẩu và bên nhập khẩu được nhanh nhạy, thuận lợi.

b, Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa:

Thương mại ngày càng phát triển, trong những năm qua nhu cầu chuyên chở hàng hóa với số lượng lớn liên tục tăng. Với đội ngũ lái xe lành nghề và hệ thống đầu kéo container hiện đại những năm qua dịch vụ vận tải hàng hóa của công ty ngày càng phát triển, chiếm tỷ trọng lớn trong lợi nhuận của công ty. Ban đầu công ty chỉ nhận được những đơn hàng chuyên chở trong Hải Phòng, cho đến nay công ty đã mở rộng hoạt động ra các tỉnh lân cận như Móng Cái- Quảng Ninh, Hưng Yên... Uy tín của công ty ngày càng được mở rộng do chất lượng phục vụ luôn được cải thiện không ngừng.

Theo Chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính, các khoản chi phí nhân công trực tiếp (lương lái xe, phụ xe..), Chi phí nguyên nhiên liệu, chi phí sửa chữa, chi phí khấu hao máy móc, phí cầu đường... phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh này đều được hạch toán vào tài khoản 154 rồi cuối kỳ kết chuyển sang TK 632 để tính trị giá vốn của hàng hóa dịch vụ đã cung cấp.

c, Doanh thu dịch vụ kho bãi.

Công ty có diện tích kho bãi khá rộng rãi nên có thể cho các khách hàng thuê để chứa các hàng hóa chờ xuất khẩu hoặc hàng đã nhập khẩu đang chờ vận chuyển. Công ty cũng cung cấp các dịch vụ kho bãi như: nâng hạ, vệ sinh...

➤ Tài khoản sử dụng:

- Công ty sử dụng tài khoản 511, cụ thể tài khoản 5113 để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhưng chi tiết theo từng loại

doanh thu:

- + TK 51131 “ Vận tải hàng hóa nội địa.”
- + TK 51132 “ Doanh thu giao nhận hàng xuất nhập khẩu”
- + TK 51133 “ Doanh thu dịch vụ kho bãi”

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTKT-3LL).
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo Có, séc chuyển khoản....
- Các chứng từ khác có liên quan.

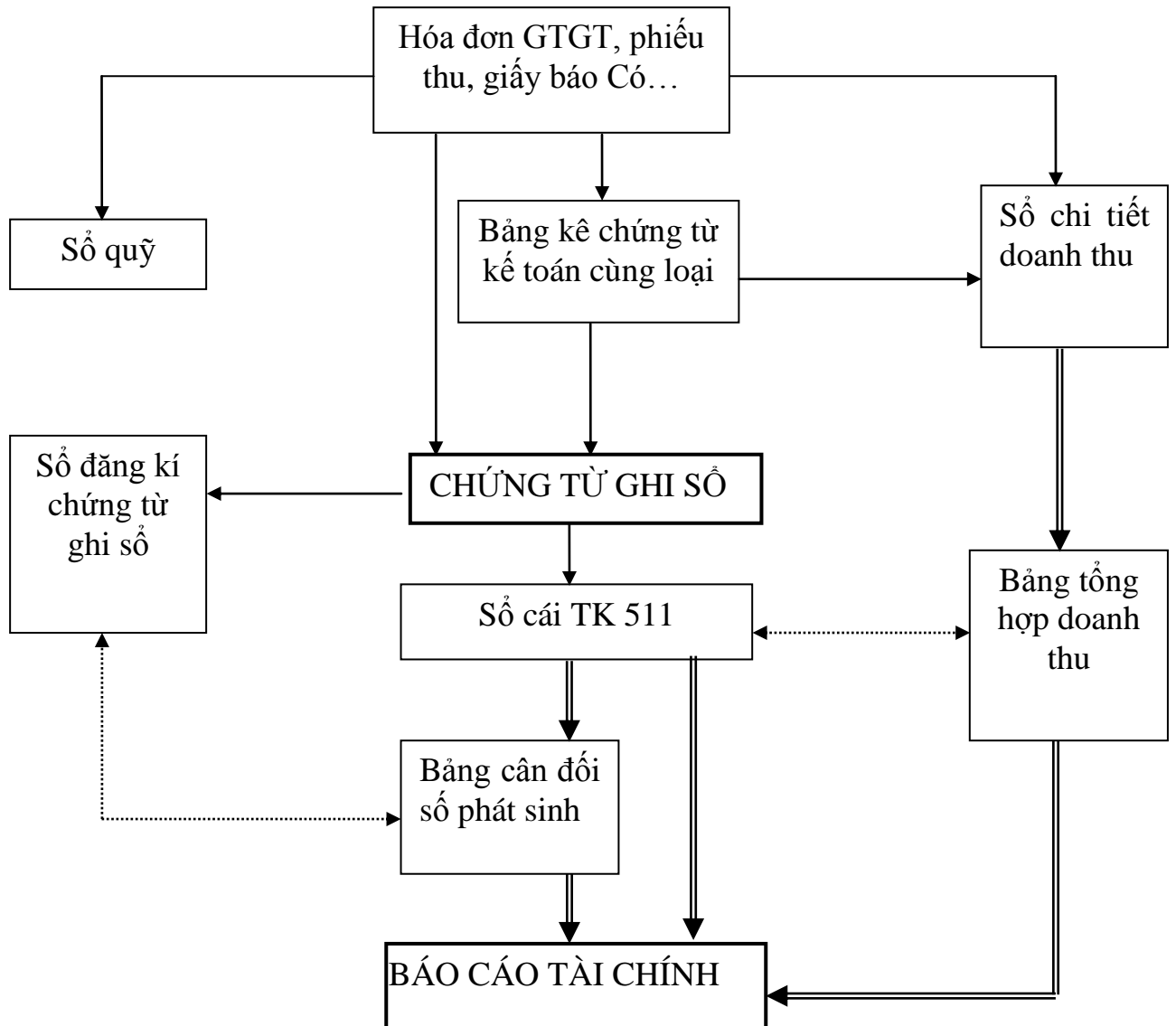
➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết bán hàng theo từng loại doanh thu.
- Sổ tổng hợp doanh thu bán hàng.
- Sổ cái tài khoản 511 và các tài khoản liên quan
- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

➤ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.4:

Trình tự kế toán doanh thu theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì =→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

*** Quy trình hạch toán**

- Hàng ngày căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng, các chứng từ thanh toán, kế toán vào sổ chi tiết doanh thu theo từng loại doanh thu và bảng kê chứng từ cùng loại.

- Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập các chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái tài khoản 511 và các tài khoản liên quan đồng thời phản ánh vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ. Từ các sổ chi tiết, kế toán lập sổ tổng hợp doanh thu.

- Cuối năm, kế toán đối chiếu, kiểm tra số liệu trên sổ cái đã trùng khớp với số liệu trên sổ tổng hợp chưa rồi mới lập bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ : Ngày 7/12/2012, Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng thuê vận tải lô hàng thép góc từ cảng Đình Vũ về công ty, cụ thể:

+ 7 container 20 feet (20'): 1.500.000đ/ cont

+ 2 container 40 feet (40'): 2.500.000đ/ cont

- Thuế GTGT 10%, công ty chưa thanh toán.

Căn cứ hợp đồng vận chuyển (Biểu số 2.2.1.1) và hóa đơn GTGT số 0002501 (Biểu số 2.2.1.2), kế toán ghi sổ chi tiết doanh thu (Biểu số 2.2.1.3) và sổ chi tiết thanh toán với người mua (Biểu số 2.2.1.4) đồng thời lập bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.2.1.7).

Cuối tháng, từ số liệu trên bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.2.1.8). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán lập sổ cái tài khoản 511 (Biểu số 2.2.1.9) và sổ cái các tài khoản liên quan đồng thời phản ánh vào sổ đăng kí chứng từ.

Từ sổ chi tiết doanh thu kế toán lập sổ tổng hợp doanh thu. (Biểu số 2.2.1.5)

Từ sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán lập bảng tổng hợp thanh toán với người mua. (Biểu số 2.2.1.6)

Cuối năm, kế toán so sánh số liệu trên các sổ cái với các bảng tổng hợp. Khi số liệu đã trùng khớp, kế toán sẽ sử dụng sổ cái của các tài khoản để lập bảng cân đối số phát sinh, từ đó lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.1.1

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN

❖ Căn cứ bộ luật dân sự số 33/2005/QH 11 đã được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.

❖ Căn cứ nghị quyết số 45/2005/QH 11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua.

❖ Căn cứ vào nhu cầu của khách hàng và khả năng phục vụ của công ty.

Hôm nay, ngày 5 tháng 12 năm 2012

Bên A: BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN

Tên đơn vị: Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng

Đại diện: Nguyễn Đình Sơn. Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh

Mã số thuế: 0200844762

Tài khoản số: 21845235. Tại ngân hàng: BIDV

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu

Đại diện: Thành Quang Vinh. Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0200760826

Tên tài khoản số: 30244529. Tại ngân hàng: ACB

Hai bên thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều I: Trách nhiệm hai bên

1. Trách nhiệm bên B

Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển, bốc xếp, toàn bộ tài sản đã được khảo sát:

- Từ địa chỉ: Cảng Đình Vũ đến Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng

- Thời gian vận chuyển: Từ 22h ngày 7/12/2012 đến 05h ngày 8/12/2012

- Phương thức vận chuyển: xe container 20' và 40'

- Bên B đảm bảo việc vận chuyển đúng yêu cầu về thời gian và tiến độ cũng như an toàn về hàng hóa của bên A.

2. Trách nhiệm bên A

- Bên A cử nhân viên trông giữ, kiểm duyệt hàng hóa khi bên B vận chuyển tài sản, hàng hóa tại vị trí tập kết, đồng thời cử nhân viên áp tải hàng hóa khi lưu thông.

- Trong quá trình áp tải nếu bên A phát hiện hàng hóa, tài sản bị hư hỏng phải báo ngay (lập biên bản) trong ngày. Khi nhân viên bên B có mặt tại địa chỉ đến, nếu không báo ngay bên B không chịu trách nhiệm.

Điều II: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Khối lượng công việc:

- Vận chuyển 8 container 20' thép góc: 1.500.000đ/ cont

- Vận chuyển 3 container 40' thép tấm: 2.500.000đ/ cont

Tổng giá thanh toán: 21.450.000 (VAT 10%)

2. Phương thức thanh toán: Sau khi bên B thực hiện xong công việc, hạn cuối để Bên A thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng là ngày 31 tháng 12 năm 2012/

Điều III: Điều khoản chung

- Nếu có bất kì sự thay đổi nào hoặc ngưng hợp đồng phải thông báo cho nhau trước 01 ngày để kịp xử lý.

- Trong trường hợp bên B điều phương tiện đến nhưng bên A đơn phương ngưng hợp đồng phải bồi thường 30% trên giá trị hợp đồng để bên B trừ vào chi phí.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản trên đây. Nếu có phát sinh cả hai bên cùng bàn bạc thương lượng trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau. Nếu không giải quyết được bằng phương pháp thương lượng thì sẽ đưa ra Tòa án kinh tế tp.Hải Phòng xét xử. Phán quyết của tòa án sẽ là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải tuân theo. Mọi chi phí do bên thua chịu.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và được thanh lý khi bên A thanh toán đầy đủ cho bên B

- Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Hải Phòng, ngày 5 tháng 12 năm 2012

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1.2:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số :01GTKT3LL		
Liên 03: nội bộ			Ký hiệu: AA/12P		
Ngày 07/12/2012			Số: 0002501		
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU					
Mã số thuế: 0200760826					
Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà ACB- 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẠCH ĐĂNG					
Mã số thuế: 0200844762					
Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Vận chuyển thép bằng container 20 feet (20')	cont	08	1.500.000	12.000.000
02	Vận chuyển thép bằng container 40 feet (40')	cont	03	2.500.000	7.500.000
Cộng tiền hàng:.....					19.500.000
Tiền thuế GTGT:10%			Tiền thuế GTGT		
				1.950.000
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					21.450.000
Số tiền bằng chữ: hai mươi một triệu bốn trăm lăm mươi ngàn đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Biểu số 2.2.1.3:

ASHIPCO

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
TÀI KHOẢN 51131- DOANH THU DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀNG HÓA
Tháng 12 Năm 2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

06/12	HĐ 0002500	06/12	Vận chuyển hàng hóa cho công ty TNHH Biển Ngọc	131		9.245.327
07/12	HĐ 0002501	07/12	Vận chuyển thép cho tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng	131		19.500.000
08/12	HĐ 0002502	08/12	Vận chuyển máy móc cho công ty TNHH công nghiệp nặng Hàn Việt	112		24.279.156

31/12	PKT số 24	31/12	Kết chuyển doanh thu dịch vụ vận tải tháng 12	911	787.945.442	
	Tổng phát sinh				787.945.442	787.945.442

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1.4

ASHICO

Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hải phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

Tháng 12

STT	Số hiệu tài khoản	Loại doanh thu	Số tiền	
			Nợ	Có
1	51131	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải nội địa	787.945.442	787.945.442
2	51132	Doanh thu giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	631.845.443	631.845.443
3	51133	Doanh thu dịch vụ kho bãi	226.630.295	226.630.295
		Tổng	1.646.521.180	1.646.521.180

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1.5

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S13-DNN

(ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tháng 12/2012

Tài khoản : 131

Đối tượng: Công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu tháng				<u>141.124.532</u>	
....
HĐ 0002501	07/12	Vận chuyển thép	511	21.450.000			
HĐ 0002501	07/12	Thuế GTGT	3331	2.145.000			
....
		Cộng phát sinh		90.381.997	106.270.314		
		Số dư cuối tháng				<u>125.236.215</u>	

- Số này có 02 trang, đánh từ trang 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ: 1/12/2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1.6

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số:

(ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tháng 12

Tài khoản :131

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	C. ty TNHH Biển Ngọc	-		37.445.653		37.445.653	
2	C. ty CN tàu thủy Bạch Đằng	141.124.532		90.381.997	106.270.314	125.236.215	
3	C. ty VINALINK						
....
12	C. ty Vietrans	124.040.000		54.388.952	-	178.428.952	
	Tổng	1.331.305.198	-	1.048.245.316	726.856.249	1.652.694.265	

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1.7

ASHIPCO

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8- tòa nhà ACB, Hoàng Diệu, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Nội dung: Làm tăng khoản phải thu

ST T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 131- Ghi Có các tài khoản		
	SH	NT		TK 511	TK 3331	Cộng Nợ TK 131

7	HĐ 0002501	07/12	Vận chuyển thép cho công ty CN tàu thủy Bạch Đặng	19.500.000	1.950.000	21.450.000

26	HĐ 0002519	19/12	Cung cấp dịch vụ kho bãi cho CMA, chưa thu tiền	44.318.000	4.431.800	48.749.800
27	HĐ 0002520	20/12	Làm hàng cho VINATRANS	8.451.287	845.129	9.296.416
...
			Cộng phát sinh	952.950.287	95.295.029	1.048.245.316

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1.8

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu,
 Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

05/12

Ngày 31/12/2012

Ghi nợ TK 131

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12 chưa thu tiền	131	511	771.132.106	
Thuế GTGT đầu ra tháng 12/2012	131	3331	77.113.210	
Cộng phát sinh			1.048.245.316	

Kèm theo 01 chứng từ gốc: bảng kê chứng từ cùng loại ghi Nợ TK 131

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1.9:

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2012

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

NT GS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ				
.....
31/12	01/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12 đã thu bằng tiền mặt	111		106.291.196	
31/12	02/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12 đã thu bằng TGNH	112		587.279.697	
31/12	05/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chưa thu tiền tháng 12	131		952.950.287	
31/12	PKT 125	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12	911	1.646.521.180		
			Cộng phát sinh		1.646.521.180	1.646.521.180	
			Số dư cuối kì				

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Do đặc điểm của ngành dịch vụ, sản phẩm của ngành dịch vụ không có hình thái cụ thể. Quá trình sản xuất và quá trình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ diễn ra đồng thời nên việc tính giá vốn dịch vụ của công ty cũng rất đơn giản. Có 2 nguồn tổng hợp nên giá vốn của công ty. Đó là những sản phẩm dịch vụ mà công ty trực tiếp cung cấp và những sản phẩm dịch vụ công ty hợp tác với bên thứ ba để cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Trường hợp 1: Công ty trực tiếp cung cấp các dịch vụ cho khách hàng.

Giá vốn dịch vụ trong trường hợp này bao gồm các chi phí về nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, các chi phí sản xuất chung. Theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC, kế toán sẽ tập hợp tất cả các chi phí phát sinh trong kì này vào tài khoản 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” rồi cuối kì kết chuyển sang tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” để xác định giá vốn,

Trường hợp 2: Các dịch vụ công ty mua ngoài

Do những yếu tố về cơ sở vật chất, điều kiện kĩ thuật, nguồn nhân lực hay lợi ích về kinh tế mà công ty không trực tiếp cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Thay vào đó công ty sẽ mua dịch vụ của bên thứ 3 để cung cấp cho khách hàng. Giá vốn của dịch vụ trong trường hợp này chính là khoản chi phí mà công ty phải trả cho bên thứ 3 để có dịch vụ đó.

Đối với hoạt động vận tải hàng hóa thì giá vốn chỉ phát sinh ở trường hợp 1- công ty trực tiếp cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

➤ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 632
- Tài khoản 632 được chi tiết theo 3 tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 6321: Giá vốn hoạt động vận tải hàng hoá nội địa
 - + Tài khoản 6322: Giá vốn hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu
 - + Tài khoản 6323: Giá vốn dịch vụ cho thuê kho bãi.
- Tài khoản 154

Tài khoản 154 được chi tiết theo 3 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 1541: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (chi phí xăng dầu...)
- + Tài khoản 1542: Chi phí nhân công trực tiếp (lương và các khoản trích theo lương cho lái xe, phụ xe...)
- + Tài khoản 1543: Chi phí sản xuất chung (chi phí sửa chữa, bảo dưỡng,

chi phí khấu hao phương tiện sử dụng cho cung cấp dịch vụ...)

- Các tài khoản khác có liên quan.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01-GTKT03LL)

- Bảng tính và phân bổ khấu hao

- Bảng phân bổ tiền lương

- Các chứng từ thanh toán: phiếu chi, giấy báo Nợ

➤ **Sổ sách sử dụng:**

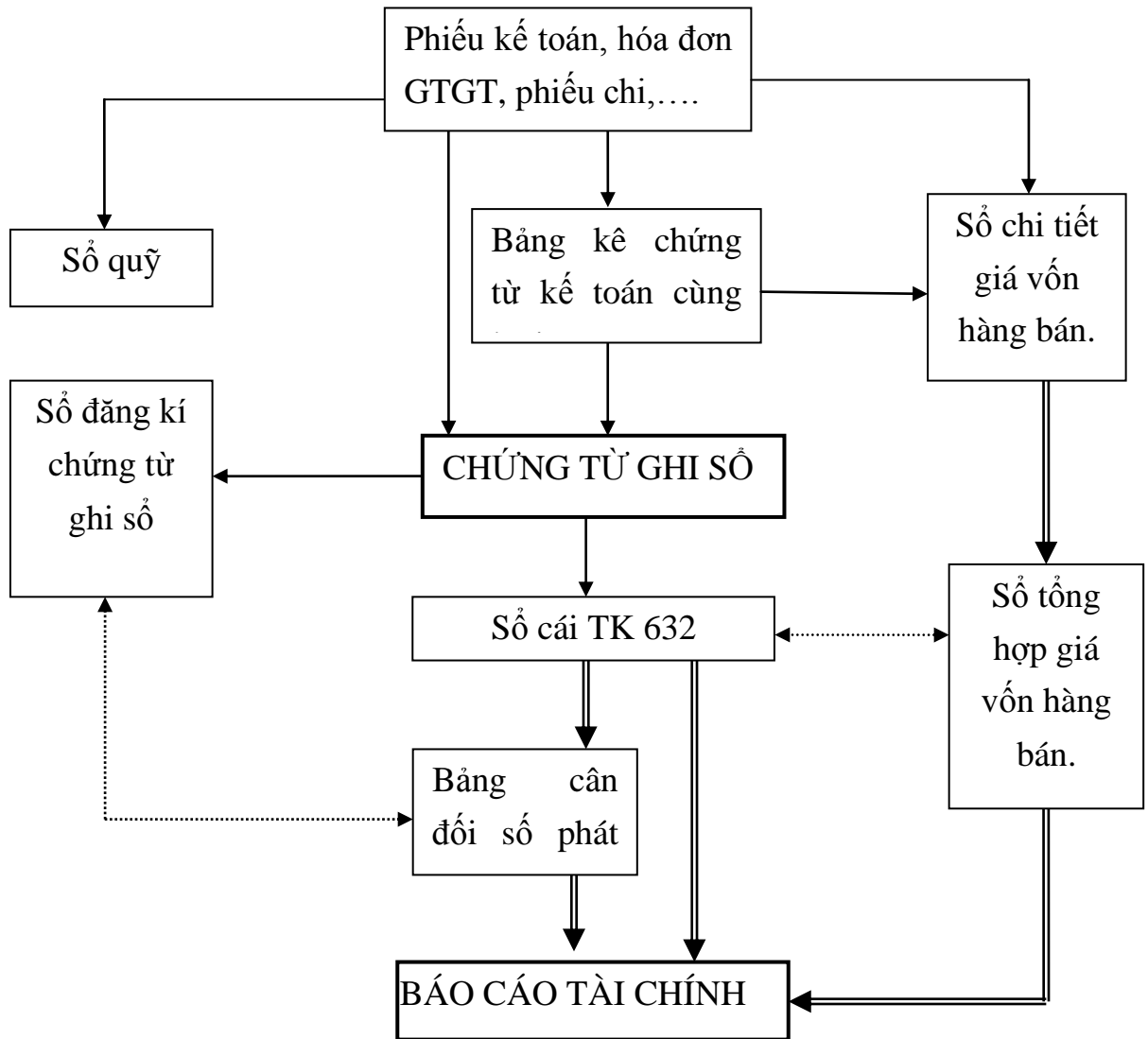
- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán theo từng hoạt động kinh doanh.

- Sổ tổng hợp giá vốn hàng bán.

- Sổ cái tài khoản 632 và các tài khoản liên quan.

- Sổ đăng ký chứng từ.

- Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì ══════════>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯<—

➤ Quy trình hạch toán:

Hàng ngày căn cứ vào các hóa đơn GTGT, các phiếu chi, giấy báo có, phiếu kế toán, kế toán lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán theo từng loại giá vốn hàng bán và các bảng kê chứng từ kế toán cùng loại.

Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết giá vốn hàng bán, kế toán lập bảng tổng hợp giá vốn hàng bán.

Căn cứ vào số liệu trên các bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập các chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái tài khoản 632 và các tài khoản có liên quan đồng thời vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

Cuối năm, kế toán so sánh, đối chiếu số liệu giữa sổ cái và các sổ tổng hợp. Khi số liệu đã chính xác, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và từ đó lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Cuối tháng, căn cứ vào các chứng từ như: bảng chi phí tiền lương dành cho bộ phận kho bãi(lái xe, phụ xe, công nhân bốc xếp, ...), bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, phiếu chi, hóa đơn giá trị gia tăng... kế toán giá thành đã tổng hợp được tổng chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh phục vụ cho hoạt động vận tải hàng hóa trong năm như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 1541): 252.212.488
- Chi phí nhân công trực tiếp (TK 1542): 52.575.000
- Chi phí sản xuất chung (TK 1543): .380.416.667
- Tổng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang : 685.204.155

Kế toán lập phiếu kế toán (Biểu số 2.2.2.1), kết chuyển số phát sinh của tài khoản 154 sang tài khoản 632 để xác định giá vốn. Từ phiếu kế toán, kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 632 (Biểu số 2.2.2.2).

Cuối tháng, từ sổ chi tiết giá vốn hàng bán, kế toán lập bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (Biểu số 2.2.2.3).

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán lập chứng từ ghi sổ- ghi Có TK 154 (Biểu số 2.2.2.4). Rồi từ số liệu trên chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 632 (Biểu số 2.2.2.5).

Cuối năm, kế toán so sánh, đối chiếu số liệu giữa sổ cái và các sổ tổng hợp. Khi số liệu đã chính xác, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và từ đó lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.2.1:

ASHIPCO

Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2012

Số:123

STT	Nội dung	TKĐƯ		Số tiền
		TK Nợ	TK Có	
	Ghi Có TK 154			
1	Kết chuyển giá vốn dịch vụ vận tải phát sinh trong kỳ	632	154	685.204.155
	Tổng			685.204.155

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.2.2:

ASHIPCO

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản 6321: Giá vốn dịch vụ vận tải hàng hóa nội địa

Tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PKT 123	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ vận tải phát sinh trong kỳ	154		685.204.155
		Cộng phát sinh		685.204.155	685.204.155
		Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.2.3:

ASHIPCO

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 12 năm 2012

STT	Số hiệu tài khoản	Loại giá vốn hàng bán	Số tiền	
			Nợ	Có
1	6321	Giá vốn hàng bán dịch vụ vận tải hàng hóa nội địa	685.204.155	685.204.155
2	6322	Giá vốn hàng bán dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	541.945.425	541.945.425
3	6323	Giá vốn hàng bán dịch vụ kho bãi	130.757.279	130.757.279
		Tổng	1.357.906.859	1.357.906.859

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.2.4:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu,
Hà Nội, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 06/12

Ngày 31/12/2012

Ghi Có TK 154

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn dịch vụ vận tải nội địa phát sinh trong kỳ	6321	154	685.204.155	
Cộng phát sinh			685.204.155	

Kèm theo 01 chứng từ gốc: phiếu kế toán số 23

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.2.5:

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu **Mẫu số S02c1-DNN**
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2012

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

NT GS	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
.....
31/12	06/12	31/12	Giá vốn dịch vụ vận tải tháng 12 kết chuyển từ TK 154	154	685.204.155		
...
31/12	PKT 125	31/12	Kết chuyển giá vốn phát sinh tháng 12	911		1.357.906.859	
			Cộng phát sinh		1.357.906.859	1.357.906.859	
			Số dư cuối kì		-		

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.3.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- Các tài khoản khác có liên quan

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có của ngân hàng.
- Phiếu kế toán.

2.2.3.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi cho tài chính, các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lãi vay phải trả. Tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu, chi phí tài chính chủ yếu là khoản lãi vay phải trả.

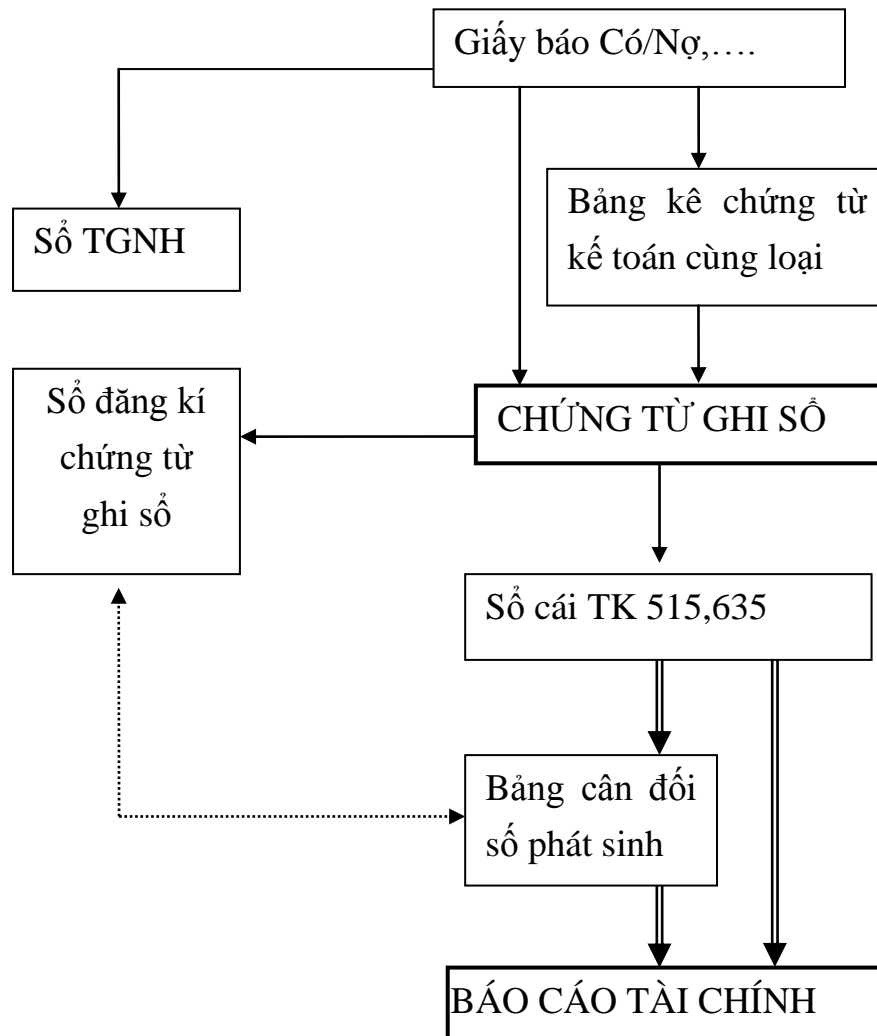
➤ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Nợ của ngân hàng/ Phiếu chi
- Phiếu kế toán

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

*** Quy trình hạch toán**

- Hàng ngày, căn cứ vào giấy báo Nợ, giấy báo Có, phiếu chi, ủy nhiệm chi kế toán vào bảng kê các chứng từ cùng loại.

- Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập các chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái tài khoản 515,635 và các tài khoản có liên quan, đồng thời vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

- Cuối năm, kế toán căn cứ số liệu trên sổ cái bảng cân đối sinh. Số liệu trên bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 20/12/2012, nhận được giấy báo Có của ngân hàng ACB về khoản lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12 được hưởng, công ty nhập lãi vào gốc tài khoản tiền gửi.

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng ACB và các chứng từ liên quan khác, kế toán lập bảng kê chứng từ cùng loại ghi Nợ TK 112(Biểu số 2.2.3.4)

Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ ghi Nợ TK 112 (Biểu số 2.2.3.5). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 515 (Biểu số 2.2.3.8) và các sổ cái liên quan đồng thời phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ.(Biểu số 2.2.1.10)

Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên sổ Cái các tài khoản, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh rồi từ đó lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2012, nhận được giấy báo Nợ số 010487 của ngân hàng SHB về việc nhận trả lãi tiền vay tháng thứ 2, số tiền 7.124.784

Căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán lập bảng kê chứng từ cùng loại ghi Có TK 112 (Biểu số 2.2.3.6)

Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập các chứng từ ghi sổ ghi Có TK 112 (Biểu số 2.2.3.7), rồi từ chứng từ ghi sổ kê toán lập sổ cái tài khoản 635 (Biểu số 2.2.3.9) và các tài khoản có liên quan đồng thời phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.(Biểu số 2.2.1.10)

Cuối năm, căn cứ số liệu trên sổ cái các tài khoản, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh rồi từ đó lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.3.1

Ngân hàng Á Châu	Mã GDV:11
Chi nhánh ACB- Hải Phòng	Mã KH:1256
	Số:0805
GIẤY BÁO CÓ	
Ngày 20/12/2012	
Kính gửi: Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu	
Mã số thuế: 0200760826	
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Có: 30244529	
Số tiền bằng số: 2.458.363	
Số tiền bằng chữ: Hai triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn ba trăm sau mươi ba ngàn đồng..	
Nội dung: ##Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc##	
Giao dịch viên (Ký, họ tên)	Kiểm soát (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.2:

SHB NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI SÀI GÒN- HÀ NỘI	Giao dịch viên:GiangNH4 Số giao dịch: 0956
GIẤY BÁO NỢ Ngày 31/12/2012	
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN Tên tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU Số tài khoản: 1100045788 Mã số thuế/CMT: 0200760826	
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG Tên tài khoản: Số tài khoản: Mã số thuế/CMT: Số tiền bằng chữ: Bảy triệu một trăm hai mươi tư ngàn bảy trăm tám tư đồng Nội dung: ##Trả tiền lãi vay tháng 2##	Tổng số tiền bằng số: 7.124.784 VND
Giao dịch viên (Ký, họ tên)	Kiểm soát (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.4:

ASHIPCO

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Nội dung: Làm tăng tiền gửi ngân hàng

ST T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ Tk 112- Ghi Có Các Tk			
	SH	NT		TK 515	TK 511	TK	Cộng Nợ TK 112
...
28	GBC 0805	20/12	Lãi suất TGNH T12/2012- ACB	2.458.363			2.458.363
...
			Cộng phát sinh	2.572.515	587.279.697	959.510.432

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.5:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu,
 Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 12.3

Ngày 31/12/2012

Ghi Nợ TK 112

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng, cung cấp dv T12	112	511	587.279.697	
Doanh thu hoạt động tài chính T12/2012	112	515	2.572.515	
Thu nhập khác T12/2012	112	711	300.000.000	
Thuế GTGT đầu ra T12/2012	112	3331	69.658.220	
Cộng phát sinh			959.510.432	

Kèm theo 01 chứng từ gốc: bảng kê chứng từ cùng loại ghi Nợ TK 112

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.2.6:

ASHIPCO

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Nội dung: Làm giảm tiền gửi ngân hàng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 112- ghi Nợ các tài khoản		
	SH	NT		TK 635	TK	Cộng Có TK 112
..
20	GVN 065	15/12	Trả tiền lãi vay cá nhân	850.000		850.000
...
41	GBN0956	31/12	Trả lại tiền vay ngân hàng -SHB	7.124.784		7.124.784
			Cộng phát sinh	8.269.784	489.038.438

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.7

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Mẫu số S02a- DNN

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu,
 Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 12.4

Ngày 31/12/2012

Ghi Có TK 112

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....
Chi phí quản lý kinh doanh chi bằng TGNH	642	112	15.486.124	
Chi phí tài chính	635	112	8.269.784	
Chi phí khác	811	112	0	
Cộng phát sinh			489.038.438	

Kèm theo 01 chứng từ gốc: bảng kê chứng từ cùng loại ghi CóTK 112

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.8

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02c1-DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12/2012

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

NT	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
...	
31/12	03/12	31/12	Doanh thu hoạt động tài chính tháng 12	112		2.572.515	
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 12	911	2.572.515		
			Cộng phát sinh		2.572.515	2.572.515	
			Số dư cuối kì		-		

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.9

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12/2012

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

NT	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
....
31/12	02/12	31/12	Chi phí hoạt động tài chính tháng 12	112	8.269.784		
31/12	PKT số 125	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính tháng 12	911		8.269.784	
			Cộng phát sinh		8.269.784	8.269.784	
			Số dư cuối kì		-		

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.5 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí bán hàng :

Chi phí bán hàng của công ty bao gồm các chi phí liên quan đến việc bán hàng, cung cấp dịch vụ như: chi phí khấu hao TSCĐ thuộc bộ phận bán hàng, chi phí trích trước, các chi phí khác phục vụ bán hàng như chi phí tiếp khách, lệ phí chuyển tiền qua ngân hàng, chi phí chuyển phát nhanh...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp :

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm các chi phí như: Chi phí về lương nhân viên quản lý doanh nghiệp, Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho quản lý doanh nghiệp, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho quản lý doanh nghiệp, các khoản thuế, phí, lệ phí, các chi phí lao vụ, dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước, tiền mạng internet...)

➤ Tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng đúng như chế độ kế toán tại doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định 48/2006/BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sử dụng tài khoản 642 để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên công ty không theo dõi chi tiết xem khoản chi phí này là chi phí quản lý doanh nghiệp (TK6422) hay chi phí bán hàng (TK 6421) mà hạch toán thẳng vào tài khoản 642

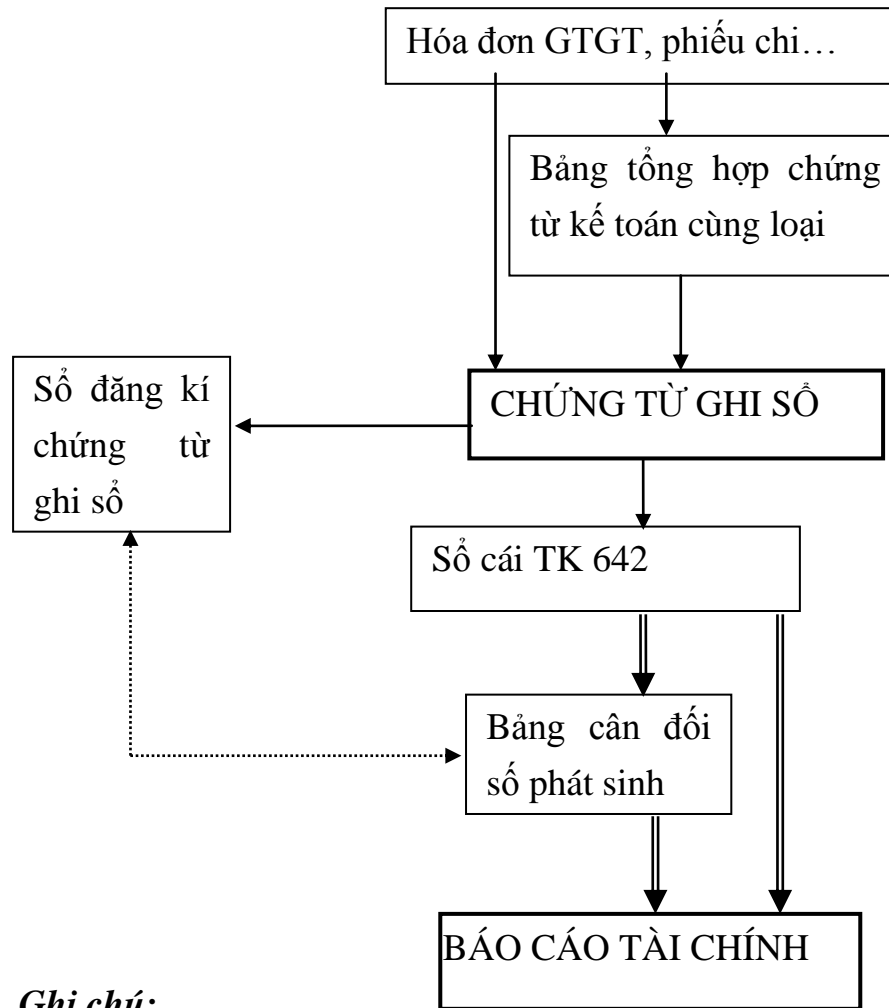
Mọi nghiệp vụ phát sinh đều được công ty chi bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng trừ hai khoản trích khấu hao tài sản cố định và phân bổ công cụ dụng cụ là theo dõi trên tài khoản 214 và tài khoản 142

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL)
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng...
- Bảng phân bổ chi phí trả trước
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 02-LĐTL)
- Các chứng từ có liên quan khác.

➤ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.....->

*** Quy trình hạch toán:**

Hàng ngày căn cứ vào các hóa đơn GTGT, các chứng từ thanh toán (phiếu chi, giấy báo nợ...), các bảng phân bổ chi phí ... kế toán ghi chép vào bảng kê chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, từ các bảng kê chứng từ cùng loại đã lập, kế toán lập các chứng từ ghi sổ. Từ số liệu trên chứng từ ghi sổ, kế toán vào Sổ cái tài khoản 642 và các tài khoản liên quan đồng thời vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Cuối quý hoặc cuối năm tài chính, kế toán căn cứ vào Sổ cái các tài khoản liên quan lập bảng cân đối số phát sinh và từ đó lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 05/12/2012, phân bổ phí bảo hiểm tháng thứ 5 cho xe nâng FANTUZZI.

Từ bảng phân bổ chi phí trả trước (Biểu số 2.2.4.1), kế toán vào bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.2.4.2).

Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập các chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.2.4.3). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào Sổ cái tài khoản 642 (Biểu số 2.2.4.8) và các tài khoản liên quan đồng thời vào sổ đăng ký chứng từ (Biểu số 2.2.1.10)

Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái các tài khoản, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và từ đó lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 06/12/2012, mua một số văn phòng phẩm phục vụ cho khối văn phòng, cộng tiền hàng 766.000, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Từ hóa đơn GTGT số 000657 (Biểu số 2.2.4.4) và phiếu chi số 000143 (Biểu số 2.2.4.5) kế toán lập bảng kê chứng từ cùng loại (biểu số 2.2.4.6)

Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.2.4.7). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào Sổ cái tài khoản 642 (biểu số 2.2.4.8) và các tài khoản liên quan đồng thời vào sổ đăng ký chứng từ (Biểu số 2.2.1.10).

Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái các tài khoản, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và từ đó lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.4.1**ASHIPCO****CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU**

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**Tháng 12/2012**

S T T	Ngày đăng ký	Nội dung	Giá trị	Giá trị còn lại đầu tháng	Thời gian PB (tháng)	Số phân bố tháng này	Đối tượng sử dụng TK 642	Giá trị còn lại cuối tháng
1. Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 142)								
1	09/06/2012	Hệ thống phần mềm quản lý kho bãi	30.000.000	15.000.000	12	2.500.000	2.500.000	12.500.000
2	05/08/2012	Phí bảo hiểm xe nâng FATUZZI	14.545.454	9.696.970	12	1.212.121	1.212.121	8.484.849
3	28/10/2012	Phí bảo hiểm xe INNOVAL	8.853.833	8.115.833	12	737.803	737.803	7.378.030
		Cộng	53.399.090	32.812.803		4.449.924	4.449.924	28.362.879

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc công ty
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.4.2

ASHIPCO

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu,
 Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI
Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012
GHI CÓ TK 142- GHI NỢ CÁC TK

ST T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 142- ghi nợ các TK	
	SH	NT		TK 642	Cộng Có TK 142
1	HĐ 0004569	09/06	Hệ thống phần mềm quản lý	2.500.000	2.500.000
2	HĐ 0004217	05/08	Phí bảo hiểm xe nâng FANTUZZI	1.212.121	1.212.121
3	HĐ 0008790	28/10	Phí bảo hiểm xe INNOVAL	737.803	737.803
			Cộng	4.449.924	4.449.924

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.4.3

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Mẫu số S02a- DNN

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu,
 Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 07/12

Ngày 31/12/2012

Ghi Có TK 142

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phân bổ chi phí trích trước tháng 12	642	142	4.449.924	
Cộng phát sinh			4.449.924	

Kèm theo 01 chứng từ gốc: Bảng phân bổ chi phí trả trước tháng 12

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 02: giao người mua

Ngày 06/12/2012

Mẫu số :01GTKT3LL

Ký hiệu: AA/12P

Số: 000657

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY THIẾT BỊ VĂN PHÒNG PHẨM SỐ 1 HẢI PHÒNG

Mã số thuế: 0100454753

Địa chỉ : Số 1 Điện Biên Phủ - Hồng Bàng - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Mã số thuế: 0200760826

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải phòng

Hình thức thanh toán: tiền mặt

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Giấy in A4	Thùng	01	600.000	600.000
02	Kẹp giấy	Hộp	02	23.000	46.000
03	Bút bi Thiên Long	Hộp	02	60.000	120.000

Cộng tiền hàng:.....766.000

Tiền thuế GTGT:10%

Tiền thuế GTGT:.....76.600

Tổng cộng tiền thanh toán:.....842.600

Số tiền bằng chữ: tám trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm đồng.

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.4.5:

<p>Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP</p>	<p>Mẫu số 02- TT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- B Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)</p>			
<p>PHIẾU CHI Ngày 06/12/2012</p>	<p>Quyển số: 01 Số : 000143 Nợ: 642/133 Có: 111</p>			
<p>Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Lua Địa chỉ: Phòng kinh doanh Lý do chi: Chi tiền mua đồ dùng văn phòng phẩm cho văn phòng Số tiền: 842.600 (Viết bằng chữ): Tám trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm đồng. Kèm theo 01 chứng từ gốc: HĐ000657</p>				
<p>Thủ trưởng (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	<p>Kế toán trưởng (Ký, họ tên)</p>	<p>Người nhận tiền (Ký, họ tên)</p>	<p>Người lập phiếu (Ký, họ tên)</p>	<p>Thủ quỹ (Ký, họ tên)</p>
<p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Tám trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm đồng. + Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): + Số tiền quy đổi:</p>				

Biểu số 2.2.4.6:

ASHIPCO

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Nội dung: Làm giảm tiền mặt

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111- ghi Nợ các TK					Cộng Có TK 111
	NT	SH		TK 642	TK 133	TK 112	TK 141	

3	04/12	PC 000142	Rút quỹ nhập tài khoản ngân hàng			30.000.000			30.000.000
4	06/12	PC 000143	Chi tiền mua văn phòng phẩm	766.000	76.600				842.600
...
			Cộng	119.124.231	15.214.127	20.000.000	10.000.000	...	293.458.210

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.4.7

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu,
 Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 02/12

Ngày 31/12/2012

Ghi Có TK 111

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi công tác tháng 12	141	111	10.000.000	
Chi phí quản lý kinh doanh chi bằng tiền mặt tháng 12	642	111	119.124.231	
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	133	111	15.214.127	
Rút quỹ nhập tài khoản ngân hàng tháng 12	112	111	20.000.000	
.....
Cộng phát sinh			293.458.210	

Kèm theo 01 chứng từ gốc: Bảng kê chứng từ cùng loại ghi Có TK 111

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.4.8

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12/ 2012

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

NT	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
.....
31/12	BPBCCD C T12	31/12	Phân bổ công cụ dụng cụ phục vụ quản lý kinh doanh	242	1.979.925		
31/12	02/12	31/12	Chi phí quản lý doanh nghiệp chi bằng tiền mặt tháng 12	111	119.124.231		
31/12	BTKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	214	96.457.125		
31/12	07/12	31/12	Phân bổ chi phí trích trước ngắn hạn tháng 12	142	4.449.924		
31/12	BPB lương T12	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí	338	27.344.284		
.....
31/12	PKT số 125	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh tháng 12	911		225.456.782	
			Cộng phát sinh		225.456.782	225.456.782	
			Số dư cuối kì		-		

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.6 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

2.2.6.1 Kế toán thu nhập khác

- Thu nhập khác là những khoản thu nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu từ các hoạt động riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Thu nhập khác có thể là các khoản thu về từ hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản thu khó đòi đã xóa sổ nhưng lại thu được,...

- Tại công ty cổ phần Hàng hải, trong tháng 12/2012 có phát sinh nghiệp vụ thanh lý nhượng bán tài sản cố định.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 711 “thu nhập khác”
- Các tài khoản khác có liên quan.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản thanh lý nhượng bán
- Giấy báo Có/ Phiếu thu.
- Phiếu kế toán

2.2.6.2 Kế toán chi phí khác

- Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

- Tại công ty cổ phần Hàng hải Á Châu, trong tháng 12/2012 có phát sinh khoản chi phí khác là phần giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý, nhượng bán.

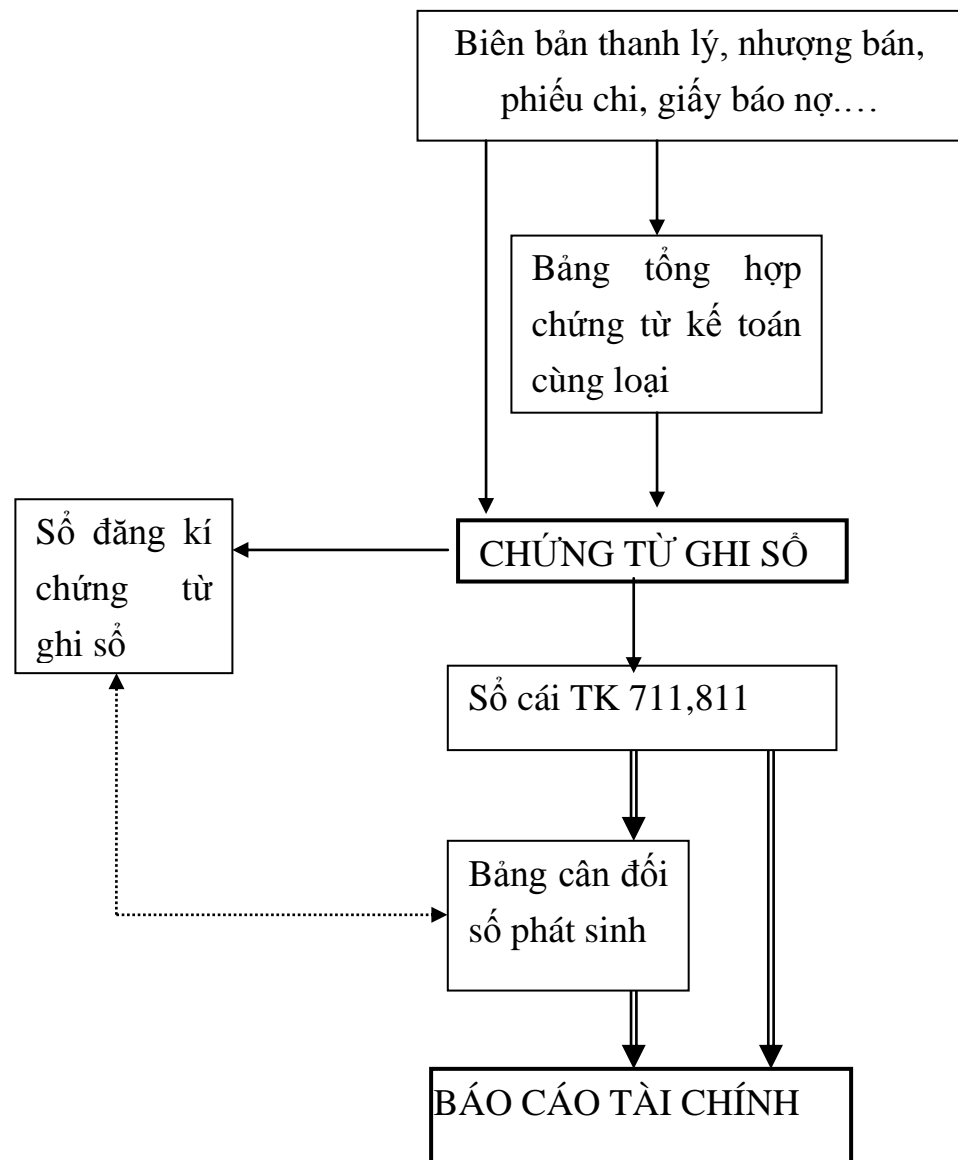
➤ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 811
- Các tài khoản liên quan khác

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản thanh lý, nhượng bán
- Phiếu kế toán

Sơ đồ 2.8: Quy trình kế toán thu nhập khác, chi phí khác.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

*** Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**

Căn cứ vào biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, các phiếu chi, giấy báo nợ, kế toán ghi các bảng kê chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, từ các bảng kê chứng từ cùng loại kế toán lập các chứng từ ghi sổ. từ các chứng từ ghi sổ, kế toán lập sổ cái tài khoản 811,711 và các tài khoản có liên quan đồng thời ghi chép vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên các sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, rồi từ đó lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

Ngày 10/12/2012, công ty thanh lý 1 xe nâng container FAN

Căn cứ vào biên bản thanh lý (Biểu số 2.2.5.1), hóa đơn giá trị gia tăng (Biểu số 2.2.5.2), giấy báo Có (Biểu số 2.2.6.3), kế toán lập bảng kê các chứng từ cùng loại (Biểu số 2.2.5.4 và biểu số 2.2.5.5).

Cuối tháng từ số liệu trên bảng kê các chứng từ cùng loại, kế toán lập các chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.2.5.6 và 2.2.5.7). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán lập sổ cái tài khoản 811 (biểu số 2.2.5.9), 711 (Biểu số 2.2.5.8) và các tài khoản có liên quan đồng thời phản ánh vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.2.1.10)

Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên các sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, rồi từ đó lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.5.1

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 10/12/2012

Số :02

Nợ:811/214

Có:211

Căn cứ Quyết định số: 145 ngày 1 tháng 12 năm 2012 của ban giám đốc công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu về việc thanh lý TSCĐ.

I- Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông: Thành Quang vinh. Chức vụ: Tổng giám đốc-Trưởng ban
- Bà: Phương Thanh Hoa. Chức vụ: Kế toán TH-Ủy viên
- Ông: Vũ Văn Trường. Chức vụ : Tổ trưởng tổ lái xe- Ủy viên

II- Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: xe nâng container FAN
- Số hiệu TSCĐ : biển kiểm soát 16H-9399
- Nước sản xuất (xây dựng): Nhật Bản
- Năm sản xuất: 2006
- Năm đưa vào sử dụng 10/6/2007.
- Nguyên giá TSCĐ :2.856.773.000
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý : 2.618.708.583
- Giá trị còn lại của TSCĐ : 238.064.417

III- Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Tài sản cố định xe nâng container FAN vẫn hoạt động bình thường.
Đã hoàn thành xong việc thanh lý tài sản cố định.

Ngày 10 tháng 12 năm.2012

Trưởng Ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV- Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 0 (viết bằng chữ).....
- Giá trị thu hồi: 300.000.000.(viết bằng chữ): ba trăm triệu.
- Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 10 tháng 12 năm 2012

Ngày 10 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.6.2:

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 03: nội bộ Ngày 19/12/2012</p>	<p>Mẫu số :01GTKT3LL Ký hiệu: AA/12P Số: 0002625</p>				
<p>Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU Mã số thuế: 0200760826 Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà ACB- 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần giao nhận ngoại thương Vinatrans- chi nhánh Hải Phòng Mã số thuế: 0300648264-006 Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Tri Phương, Hồng Bàng, Hải Phòng Hình thức thanh toán: chuyển khoản</p>					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Thanh lý xe nâng container FAN	cái	01	300.000.000	300.000.000
Cộng tiền hàng:.....					300.000.000
Tiền thuế GTGT:10%			Tiền thuế GTGT		30.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					330.000.000
Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn					
<p>Người mua hàng (Ký, họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (Ký, họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	

Biểu số 2.2.6.3

Ngân hàng Á Châu
Chi nhánh ACB- Hải Phòng

Mã GDV:Hungnv
Mã KH:1256
Số:000714

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 10/12/2012

Kính gửi: Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Mã số thuế: 0200760826

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 30244529

Số tiền bằng số: 330.000.000

Số tiền bằng chữ: ba trăm ba mươi triệu đồng.

Nội dung: ##Thu tiền từ công ty Vietrans##

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

Kiểm soát

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.6.4:

ASHIPCO

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Nội dung: Làm tăng tiền gửi ngân hàng

ST T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 112- ghi Có các TK			
	SH	NT		TK 3331	TK 711	TK	Cộng Nợ TK 112
...
18	GBC 000714	10/12	Thu từ thanh lý TSCĐ cho Vietrans	30.000.000	300.000.000		330.000.000
19	GBC 000816	11/12	C.ty Biển Ngọc thanh toán tiền dịch vụ kho bãi				8.953.000
20	GBC 000830	11/12	Làm hàng cho c.ty Vietrans	1.542.900		16.971.900
...
			Cộng phát sinh	69.658.220	300.000.000	959.510.432

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.6.5

ASHICO

Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8, tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI
Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012
Nội dung: Làm giảm tài sản cố định

S T T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 211- ghi Nợ các TK		
	SH	NT		811	214	Cộng Có 211
01	BBTL số 02	10/12	Thanh lý xe nâng container FAN	238.064.417	2.618.708.583	2.856.773.000
			Cộng phát sinh	238.064.417	2.618.708.583	2.856.773.000

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.6.6

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu,
 Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 03/12

Ngày 31/12/2012

Ghi Nợ TK 112

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng, cung cấp dv T12	112	511	587.279.697	
Doanh thu hoạt động tài chính T12/2012	112	515	2.572.515	
Thu nhập khác T12/2012	112	711	300.000.000	
Thuế GTGT đầu ra T12/2012	112	3331	69.658.220	
Cộng phát sinh			959.510.432	

Kèm theo 01 chứng từ gốc: bảng kê chứng từ cùng loại ghi Nợ TK 112

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.6.7

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu,
 Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02a- DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 08/12

Ngày 31/12/2012

Ghi Có TK 211

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	811	211	238.064.417	
Giá trị hao mòn của TSCĐ thanh lý	214	211	2.618.708.583	
Cộng phát sinh			2.856.773.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc: bảng kê chứng từ cùng loại ghi Có tài khoản 211

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.6.8

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02c1-DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12/2012

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

NT	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu tháng				
.....
31/12	03/12	31/12	Thu từ thanh lý TSCĐ tháng 12	112		300.000.000	
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển thu nhập khác tháng 12	911	354.723.244		
			Cộng phát sinh		354.723.244	354.723.244	
			Số dư cuối tháng			-	

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12/2012

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

NT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
.....
31/12	08/12	31/12	Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý tháng 12	211		238.064.417	
31/12	PKT 125	31/12	Kết chuyển chi phí khác tháng 12	911	238.064.417		
			Cộng phát sinh		238.064.417	238.064.417	
			Số dư cuối kì		-		

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối tháng 12, kế toán tập hợp tất cả doanh thu và chi phí phát sinh trong kì kết chuyển sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

* **Tổng phát sinh Nợ 911: 1.829.697.842**

- Kết chuyển giá vốn hàng bán : 1.357.906.859
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh: 225.456.782
- Kết chuyển chi phí tài chính: 8.269.784
- Kết chuyển chi phí khác: 238.064.417

* **Tổng phát sinh Có 911: 2.003.816.939**

- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.646.521.180
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính: 2.572.515
- Kết chuyển thu nhập khác: 354.723.244

Thu nhập chịu thuế: 2.003.816.939 - 1.829.697.842 = 174.119.097

Thuế TNDN phải nộp là : 174.119.097 * 25% = 43.529.744

Thu nhập sau thuế chưa phân phối là : 174.119.097 - 43.529.744 = 130.589.353

Từ số liệu tính toán trên kế toán lập các phiếu kê toán kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh và lập các sổ cái tương ứng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2012

Số: 124

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	1.646.521.180
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.572.515
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	354.723.244
	Tổng			2.003.816.939

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2012

Số:125

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.357.906.859
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	225.456.782
3	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	8.269.784
4	Kết chuyển chi phí khác	911	811	238.064.417
5	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	43.529.744
6	Kết chuyển lãi sau thuế	911	421	130.589.353
	Tổng			2.003.816.939

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12/2012

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

NTGS	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ				
.....
31/12	09/12	31/12	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tháng 12	3334	43.529.744		
31/12	PKT 125	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tháng 12	911		43.529.744	
			Cộng phát sinh		43.529.744	43.529.744	
			Số dư cuối kì		-		

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02c1-DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12/2012

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu tháng			96.214.502	
.....	
31/12	PKT 125	31/12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tháng 12	911		130.589.353	
			Cộng phát sinh		-	130.589.353	
			Số dư cuối tháng			<u>226.803.855</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.7.6

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12/ 2012

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

NTGS	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền		GhiC hú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ				
31/12	PKT 124	31/12	K/c doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		1.646.521.180	
31/12	PKT 124	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		2.572.515	
31/12	PKT 124	31/12	K/c thu nhập khác	711		354.723.244	
31/12	PKT 125	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	1.357.906.859		
31/12	PKT 125	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh	642	225.456.782		
31/12	PKT 125	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính	635	8.269.784		
31/12	PKT 125	31/12	K/c chi phí khác	811	238.064.417		
31/12	PKT 125	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	46.716.183		
31/12	PKT 125	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế TNDN	421	140.148.549		
			Cộng phát sinh		2.003.816.939	2.003.816.939	
			Số dư cuối kỳ				

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.1.7.7

Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu
Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, HP

Mẫu số S02a- DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

Ngày 31/12/2012

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
02/12	31/12/2012	293.458.210
03/12	31/12/2012	959.510.432
04/12	31/12/2012	489.038.438
05/12	31/12/2012	1.048.245.316
06/12	31/12/2012	685.204.155
07/12	31/12/2012	4.449.924
08/12	31/12/2012	2.856.773.000
.....
Cộng tháng		5.135.721.398
Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ... đến...

- Ngày mở sổ : 31/12/2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.7.8

Mẫu số: B-02/DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Người nộp thuế: Công ty cổ phần Hàng Hải Á Châu

Mã số thuế: 0200760826

Địa chỉ trụ sở: Tầng 8 Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hải Phòng

ĐV: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	15.426.120.861	12.038.619.142
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.426.120.861	12.038.619.142
4	Giá vốn hàng bán	11		12.205.147.985	9.791.854.463
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.220.972.880	2.246.764.677
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		21.154.589	35.044.145
7	Chi phí tài chính	22		38.124.945	27.995.779
	+ Chi phí lãi vay	23		29.120.125	13.844.430
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		2.982.734.079	2.141.563.500
9	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	30		221.268.445	112.249.543
10	Thu nhập khác	31		994.112.084	354.723.244
11	Chi phí khác	32		958.246.112	369.254.726
12	LN khác	40		35.865.972	(14.531.482)
13	Tổng LN kế toán trước thuế	50	IV.09	257.134.417	97.718.061
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		64.283.604	24.429.515
15	LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		192.850.813	73.288.546

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI Á CHÂU

3.1 Đánh giá chung về tổ chức kế toán tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.

3.1.1 Ưu điểm

✚ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:

Công ty có bộ máy tổ chức gọn nhẹ, đơn giản nhưng hoạt động tương đối hiệu quả, tích cực. Mọi thông tin đều được cung cấp kịp thời, chính xác, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động quản lý của các nhà lãnh đạo công ty.

✚ Về tổ chức bộ máy kế toán :

Phòng Tài chính- kế toán của công ty có tất cả 3 nhân viên kế toán khá trẻ, năng động và nhiệt huyết trong công việc. Mỗi người đều có trình độ kế toán vững chắc và những kinh nghiệm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng người. Đặc biệt là kế toán trưởng của công ty, không chỉ nắm chắc được những chuẩn mực kế toán mà nhà nước quy định mà còn có hiểu biết sâu rộng, kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực vận tải, giao nhận hàng hóa đã giúp cho ban lãnh đạo công ty có được những quyết định đúng đắn trong kinh doanh cũng như gặp được thuận lợi trong quá trình thi hành những chủ trương, chính sách mới của Nhà nước.

Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung nên có thể điều phối công việc kế toán giữa các nhân viên, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc kế toán tổng hợp và lập Báo cáo tài chính.

✚ Về hạch toán kế toán nói chung:

- Chứng từ kế toán :

Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Việc lập và luân chuyển chứng từ được tiến hành nhanh gọn , hợp lý, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ.

- Sổ sách kế toán :

Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ, lưu trữ đúng theo quy định. Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ là phù hợp vì số lượng các nghiệp vụ cùng loại diễn ra trong ngày của công ty là khá nhiều nên sử dụng hình thức này sẽ giúp kế toán giảm được việc ghi chép một khối lượng nghiệp

vụ giống nhau do đó tiết kiệm được thời gian cũng như giảm được khả năng mắc sai sót trong quá trình kế toán.

- Hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất với hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung. Ngoài ra công ty cũng có bổ sung thêm các tài khoản chi tiết cấp 3 để tiện cho việc theo dõi doanh thu, chi phí.

- Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

+ Về doanh thu:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kế toán công ty ghi nhận kịp thời, chính xác, đảm bảo được nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh.

Công ty cũng theo dõi chi tiết từng loại doanh thu: doanh thu dịch vụ vận tải hàng hóa, doanh thu giao nhân hàng hóa xuất nhập khẩu, doanh thu dịch vụ kho bãi. Việc theo dõi chi tiết này giúp cho nhà quản trị biết được lĩnh vực kinh doanh nào đang mang lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp. Từ đó có những chiến lược tập trung vào mảng kinh doanh phù hợp với mục tiêu mà doanh nghiệp đã xác định trong thời gian nhất định.

+ Về chi phí:

Các nghiệp vụ phát sinh chi phí đều được kế toán ghi chép một cách kịp thời, chính xác. Công ty cũng đã tiến hành theo dõi những chi phí phát sinh cho từng hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc xác định lợi nhuận của từng loại hoạt động kinh doanh phục vụ cho công tác quản trị. Tuy nhiên để quản lý chi phí một cách chặt chẽ, chính xác là công việc khá phức tạp nên công ty vẫn còn tồn tại những hạn chế trong hạch toán chi tiết chi phí,

+ Về xác định kết quả kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2 Hạn chế

✚ Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán máy để phục vụ cho công tác kế toán.

Khối lượng các nghiệp vụ kinh tế diễn ra trong ngày là khá nhiều, nhân

viên thường xuyên phải làm việc trong trạng thái khẩn trương, căng thẳng đặc biệt là vào thời điểm cuối kì. Trong khi đó các nghiệp vụ chỉ được ghi chép và vào sổ một cách thủ công và tính toán bằng Excel. Điều này khiến cho nhân viên kế toán tốn rất nhiều thời gian trong việc ghi chép, tổng hợp số liệu để cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho lãnh đạo. Bên cạnh đó nó cũng khiến cho nhân viên dễ rơi vào trạng thái căng thẳng, mệt mỏi làm giảm hiệu suất công việc và khả năng xảy ra sai sót là rất cao.

✚ Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Biểu số 3.1:**ASHICO****Công ty cổ phần Hàng hải Á Châu**

Tầng 8, Tòa nhà ACB, 15 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 31/12/2012

STT	Tên khách hàng	Dư Nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty giao nhận kho vận vạn năng	91.119.000		91.119.000		
2	Công ty TNHH Biển Ngọc	37.445.653				37.445.653
3	Công ty TNHH Thành Đạt	45.497.008			45.497.008	
4	Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng	125.236.215		90.381.997	34.854.218	
5	Công ty đóng tàu Nam Triệu	41.870.548	41.870.548			
6	Công ty VINALINK	59.387.215			59.387.215	
...
12	Công ty Vietrans	178.428.952	54.388.952	124.040.000		
	Tổng cộng	1.652.694.265	502.962.062	972.548.109	139.738.441	37.445.653

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc công ty

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Theo bảng Báo cáo công nợ tính đến ngày 31/12/2012 ở trên (Biểu số) thì cần phải trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2012 cho những khoản nợ đã quá hạn. Cụ thể:

- Khoản nợ của công ty TNHH Thành Đạt theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán là ngày 6/4/2012, đã quá hạn thanh toán 9 tháng.
- Khoản nợ của công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán là ngày 30/6/2012, đã quá hạn thanh toán 6 tháng.
- Khoản nợ của công ty VINALINK theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán là ngày 25/12/2011, đã quá hạn thanh toán 1 năm.
- Khoản nợ của công ty Biển Ngọc theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán là ngày 30/1/2013, tuy nhiên hiện tại công ty đang mất khả năng thanh toán nên cần làm thủ tục xóa sổ

Tuy nhiên trên thực tế, kế toán lại không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng không xóa sổ khoản nợ không đòi được. Việc này khiến công ty sẽ gặp nguy cơ khó khăn về tài chính, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh do không có biện pháp dự phòng.

✚ Công ty chưa theo dõi chi tiết khoản chi phí quản lý kinh doanh.

Theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, công ty sử dụng tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh để theo dõi cả khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty. Tuy nhiên công ty lại không mở tài khoản chi tiết cấp 2 để theo dõi riêng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Tiếp đó công ty cũng không theo dõi riêng biệt chi phí quản lý kinh doanh theo từng khoản mục như chi phí lương nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí công cụ đồ dùng,... Cách làm này cho thấy chi phí vẫn chưa được quản lý một cách chặt chẽ, khoa học.

✚ Công ty chưa phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại hoạt động kinh doanh.

Việc quản lý chi phí tính riêng cho từng loại hoạt động kinh doanh của công ty là rất quan trọng. Nó giúp cho nhà quản trị có thể tính toán được hoạt động kinh doanh nào sử dụng chi phí hiệu quả nhất, đem lại nhiều lợi nhuận nhất để có những chiến lược kinh doanh phù hợp. Trên thực tế, kế toán công ty cũng đã theo dõi chi phí riêng cho từng loại hình kinh doanh nhưng theo

đôi chưa triệt để. Kế toán chỉ hạch toán riêng biệt các chi phí phát sinh trực tiếp công khoản chi phí kinh doanh thì chưa phân bổ cho từng hoạt động kinh doanh: Hoạt động vận tải hàng hóa nội địa, hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, hoạt động kinh doanh dịch vụ kho bãi. Do vậy công ty sẽ chưa thể tính toán chính xác mức lợi nhuận mà từng loại hình kinh doanh mang lại. Vì thế doanh nghiệp cần có phương pháp phân bổ chi phí quản lý kinh doanh hợp lý.

✚ Công ty chưa có những chính sách chiết khấu, ưu đãi hiệu quả dành cho khách hàng.

Trong bất kỳ một loại hình kinh doanh nào thì các chính sách ưu đãi, chăm sóc khách hàng đều rất cần thiết. Nó là chất xúc tác quan trọng làm tăng khả năng cạnh tranh của công ty, thu hút thêm nhiều khách hàng, tăng doanh số tiêu thụ cũng như rút ngắn vòng quay của vốn, giúp công ty quản lý tài chính tốt hơn và phát triển bền vững hơn. Tuy nhiên trên thực tế, công ty chưa thực sự quan tâm đến vấn đề này nên các chính sách ưu đãi dành cho khách hàng vẫn còn rất thiếu và yếu.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.

Trong guồng quay phát triển chóng mặt như vũ bão của nền kinh tế thị trường, mọi thứ đều có thể biến đổi từng phút từng giờ. Trong điều kiện này, ai nắm được thông tin kịp thời và chính xác người đó có đến 50% chiến thắng. Các doanh nghiệp cũng vậy, muốn tồn tại và phát triển vững mạnh, doanh nghiệp phải liên tục nắm bắt các thông tin của thị trường và nắm được tình hình kinh doanh thực tế của doanh nghiệp mình để từ đó có những biện pháp, phương sách phù hợp để đầu tư, kinh doanh có hiệu quả hơn. Kế toán là một công cụ đắc lực giúp cho các nhà quản trị có thể nắm được thông tin cụ thể, kịp thời.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình tiêu thụ nên đóng vai trò rất lớn. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Các thông tin đa phần mới chỉ được xử lý rất sơ lược, đôi khi chỉ là ghi chép theo một lối mòn mà chưa chủ động,

chưa tích cực, chưa phân tích, bóc tách được bản chất, nguyên nhân của vấn đề. Xác định đúng được doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh sẽ giúp các chủ doanh nghiệp nắm được tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp mình, lãi lỗ thực tế là bao nhiêu, hoạt động kinh doanh nào đem lại nhiều lợi nhuận nhất, hoạt động kinh doanh nào sử dụng chi phí còn chưa hiệu quả để có được những phương hướng kinh doanh đúng đắn, mục tiêu phát triển cho công ty trong tương lai. Chính vì vậy mà việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh là thực sự cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

3.2.2 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện tổ chức kế toán.

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

3.2.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu.

- Kiến nghị 1: Áp dụng phần mềm kế toán máy.

Trong sản xuất kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng, các thành tựu khoa học kỹ thuật luôn có một vai trò quan trọng. Đối với quá trình sản xuất thì cần những dây chuyền, quy trình sản xuất tiên tiến, hiện đại còn đối với công tác kế toán thì việc áp dụng khoa học kỹ thuật chính là sử dụng các phần mềm kế toán ưu việt, tiên tiến. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán hỗ trợ đắc lực cho công tác kế toán như: Misa, Cash, Bravo... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty. Từ đó rút ngắn được thời gian kế toán cũng như nâng cao được chất lượng kế toán hơn.

- Kiến nghị 2: Theo dõi chi tiết khoản chi phí quản lý kinh doanh

Công ty nên mở chi tiết tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh thành hai tài khoản chi tiết:

- TK 6421 “Chi phí bán hàng”: Tài khoản này theo dõi các khoản chi cho công tác bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kì của doanh nghiệp

- TK 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”: Tài khoản này dùng để theo dõi các khoản chi phí chi cho quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kì của doanh nghiệp.

Sau đó kế toán nên mở chi tiết cho tài khoản 6421 và tài khoản 6422 thành các tài khoản cấp 3 sau:

- Tài khoản 6421- Chi phí bán hàng
 - + TK 64211: Chi phí nhân viên bán hàng
 - + TK 64212: Chi phí vật liệu bán hàng
 - + TK 64213: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - + TK 64214: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + TK 64215: Chi phí bảo hành
 - + TK 64217: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 64218: Chi phí bằng tiền khác
- Tài khoản 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - + TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý
 - + TK 64222: Chi phí vật liệu quản lý
 - + TK 64223: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - + TK 64224: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + TK 64225: Thuế, phí, lệ phí
 - + TK 64226: Chi phí dự phòng
 - + TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 64228: Chi phí bằng tiền khác

Kiến nghị 3: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi để hạn chế những tổn thất mà doanh nghiệp sẽ gặp phải khi mà khách hàng không có khả năng để chi trả các khoản nợ và xác định giá trị thực tế của một khoản tiền nợ phải thu lập trên báo cáo tài chính của năm báo cáo.

➤ Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa đòi được.

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ **Căn cứ để lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Các khoản nợ phải thu khó đòi phải có bằng chứng xác thực đáng tin cậy:

- Số tiền phải thu phải theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi;

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ,...

➤ **Phương pháp lập dự phòng:**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

(Theo ý 2- điều 6- thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính)

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 159 “ Các khoản dự phòng” - chi tiết tài khoản 1592 “ Dự phòng phải thu khó đòi”

➤ **Phương pháp hạch toán:**

1. Cuối kỳ kế toán, xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhiều hơn số đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642(64226)- Chi phí dự phòng.

Có TK 159 (1592)- dự phòng phải thu khó đòi.

2. Nếu số trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 159 (1592)- Dự phòng phải thu khó đòi.

Có TK 642(64226)- Hoàn nhập Chi phí dự phòng.

3. Các khoản nợ khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được pháp xóa nợ, ghi:

Nợ TK 159 (1592)- dự phòng phải thu khó đòi(nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642(64226)- Chi phí dự phòng.(Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

Đồng thời ghi Nợ TK 004- Nợ khó đòi đã xử lý.

4. Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và được phản ánh ở ngoài bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 10 năm, tối đa là 15 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác.

Nợ TK 111,112,...

Có TK 711- Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004- Nợ khó đòi đã xử lý.

5. Trường hợp doanh nghiệp bán các khoản nợ phải thu khó đòi (đang phản ánh trên bảng cân đối kê toán) cho công ty mua bán nợ, ghi:

Nợ TK 111,112,...

Nợ TK 159(1592)

Nợ các TK liên quan

Có các TK 131,138

Ví dụ: Giả sử, ngày 31/12/2012, dựa theo bản báo cáo tình hình công nợ (Biểu số), kế toán lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi như sau:

- Tổng số nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 80.351.226

Trích lập dự phòng: $(45.497.008 + 34.854.218) * 30\% = 24.105.368$

- Tổng số nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm: 59.387.215

Trích lập dự phòng: $59.387.215 * 50\% = 29.693.608$

Tổng số trích lập dự phòng là: $24.105.368 + 29.693.608 = 53.798.976$

Kế toán ghi:

Nợ TK 64226: 53.798.976

Có TK 1592: 53.798.976

- Đối với khoản nợ không thể đòi được của công ty biển Ngọc (37.445.653), kế toán xóa sổ trừ vào chi phí như sau:

1. Nợ TK 642: 37.445.653

Có TK 131: 37.445.653

2. Nợ TK 004: 37.445.653

- Kiến nghị 4: Áp dụng các chính sách ưu đãi dành cho các khách hàng.

Trên thực tế, các khoản nợ của công ty thu hồi rất chậm, đa số đều phải tới đúng hạn hoặc quá hạn mới thu được. Nếu doanh nghiệp áp dụng chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thì có thể cải thiện được tình hình này. Khách hàng thanh toán trước hạn sẽ được hưởng một mức chiết khấu phù hợp tương ứng với số ngày thanh toán sớm. Như vậy, công ty sẽ thu hút được nhiều khách hàng hơn đồng thời thu hồi vốn nhanh hơn, giảm đáng kể chi phí lãi vay cho công ty.

Mức chiết khấu thanh toán phù hợp phải vừa đảm bảo đủ cao để thu hút được khách hàng nhưng cũng phải đảm bảo được nguồn lợi tài chính cho công ty. Mỗi công ty lại có những tính toán để có một mức chiết khấu thanh toán phù hợp riêng nhưng căn bản vẫn phải dựa trên mức lãi suất của ngân hàng.

Công ty có thể tham khảo mức chiết khấu thanh toán sau đây:

- Nếu khách hàng thanh toán trước từ 1 đến 15 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu là 1.36%

- Nếu khách hàng thanh toán trước 16 ngày đến 30 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu là 1.41%

- Nếu khách hàng thanh toán trước từ 1 tháng trở lên đến dưới 2 tháng sẽ được hưởng mức chiết khấu là 1.47%

- Nếu khách hàng thanh toán trước từ 2 tháng trở lên đến dưới 3 tháng sẽ được hưởng mức chiết khấu là 1,54%

Ví dụ: Theo hợp đồng kinh tế vận tải thép cho công ty đóng tàu Nam Triệu ngày 20/12 thì khoản nợ hiện tại (41.870.548đ) có thời hạn thanh toán là 3 tháng.

Nếu công ty thanh toán ngày 31/12, trước thời hạn hơn 2 tháng thì sẽ được hưởng mức chiết khấu là:

$$1.54\% * 41.870.548đ = 644.807 đ$$

Kế toán ghi:

Nợ 635: 644.807

Có 131:644.807

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò rất quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Từ những thông tin chính xác về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị nắm được tình hình thực tế của doanh nghiệp mình từ đó tìm ra con đường đúng đắn, phù hợp giúp công ty tăng cao doanh thu, hạ thấp chi phí, phát triển bền vững. Đồng thời đây cũng là công cụ đắc lực giúp các nhà đầu tư đưa ra được những quyết định đầu tư chính xác.

Khóa luận “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu” đã nêu được các vấn đề cơ bản :

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được số liệu thực tế của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu để minh chứng cho khóa luận.

- Đối chiếu những vấn đề lý luận trong khóa luận với thực tiễn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng hải Á Châu, khóa luận đã đưa ra một vài kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty .Các kiến nghị này tuy còn mang nặng tính lý thuyết nhưng đều xuất phát từ những hạn chế thực tế của công ty và dựa vào cơ sở lý luận nên em rất mong những kiến nghị này có thể thực hiện thành công giúp doanh nghiệp hoàn thiện tổ chức kế toán hơn.

Do điều kiện thời gian hạn chế và bản thân còn kém hiểu biết nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô và thầy giáo hướng dẫn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu, các anh chị phòng kế toán cũng như sự chỉ bảo tận tình của thầy giáo hướng dẫn Th.S Phạm Văn Tường đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này .

Hải Phòng, ngày 12 tháng 6 năm 2013

Sinh viên

Vũ Thị Minh Thúy

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
2. 24 Chuẩn mực kế toán Việt Nam- Bộ tài chính
3. Quyết định 48/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
4. Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính.